



THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Bùi Quang Hiếu

Vấn Đề Trong Tháng

Đảng Cộng Sản Việt Nam mở chiến dịch chống chủ nghĩa đa nguyên

Những khẩu hiệu "cởi mở", "cởi trói", "đổi mới" được tung ra từ đại hội VI, tháng 12-1986, đã có lúc khiến nhiều người lạc quan cho rằng Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thấy được sự bế tắc của đất nước và đang thực sự tìm kiếm một lối thoát, cho dân tộc và cho chính họ. Những người này giờ đây chắc là phải thất vọng.

Đảng đã "trói lại" văn nghệ sĩ sau khi đã hơi "cởi trói" một phần nào. Đảng đã tái xác nhận sự trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác Lênin và chính sách độc tài đảng trị. Chính sách đổi mới của đảng chỉ có thể. Nó chỉ là một phương thức để nâng cao năng suất chứ hoàn

toàn không nhắm một mục đích văn hóa, nhân bản nào. Cởi trói cho tên nô lệ để cánh tay nó có hiệu năng hơn, trói nó lại ngay khi nó làm không đúng ý.

Kể từ đầu hè 1989 ban lãnh đạo đảng cộng sản tiến thêm một bước mới. Nguyễn Văn Linh, Trần Trọng Tân, Hà Xuân Trường... ào ạt phát động cả một chiến dịch qui mô chống lại chủ nghĩa đa nguyên mà họ coi là một đòn hiểm độc nhất đang đánh vào chế độ. Điều đáng để ý là trong tất cả những bài viết và nói này hoàn toàn không thấy họ đề cập đến quyền lợi của đất nước, chỉ thấy họ nói tới tương lai của đảng và chủ nghĩa xã hội.

Nạn nhân đầu tiên không phải là chủ nghĩa đa nguyên mà là hy vọng lôi kéo đầu tư nước ngoài của đảng. Những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam không nhận định được rằng họ vừa giáng một đòn ơn huệ lên hy vọng của chính họ. Họ không biết rằng các công ty phương tây, kể từ đây, chỉ chấp nhận đầu tư tại một nước xã hội chủ nghĩa nếu có bảo đảm chắc chắn rằng nước này đã chấp nhận trên nguyên tắc sự chuyển hóa về một thể chế dân chủ đa nguyên. Tại sao? Tại vì các chuyên gia về tiên liệu đã đi đến kết luận rằng thể chế dân chủ đa nguyên là một điều tất yếu. Tới một mức nào đó nếu đà tiến về dân chủ đa nguyên bị chặn đứng thì xã hội sẽ phải trở về thể cô lập và trì trệ lúc ban đầu, và mọi công lao đã bỏ ra sẽ thành vô ích. Những gì xảy ra tại Trung Quốc chứng minh điều đó. Không chấp nhận dân chủ đa nguyên đồng nghĩa với chấp nhận một giai đoạn khủng hoảng và xáo trộn trầm trọng. Không công ty nào chấp nhận đầu tư trong viễn ảnh bất ổn đó. Chính sách kêu gọi đầu tư nước ngoài mà đảng và nhà nước cộng sản phát động từ gần hai năm qua đã chỉ

Trong số này

1. Vấn đề trong tháng:

ĐCSVN mở chiến dịch chống chủ nghĩa đa nguyên

3. Tham luận:

Phong thánh

Phạm Trọng Luật

8. Ý kiến:

Vấn đáp về Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc

Phan Phúc Vinh

9. Lá Thư Sài Gòn:

Không khí kinh tế ngột ngạt

Đoàn Cơ

10. Chứng nhân lịch sử

Dinh Vĩnh Phúc

11. Thời sự tin tức

15. Thư độc giả

16. Sở tay:

Phan Nhật Nam

Thụy Khuê

mang lại những kết quả không đáng kể mặc dầu hơn 2000 phái đoàn đã tới tìm hiểu khả năng đầu tư. Sự dè dặt của các công ty ngoại quốc có nhiều lý do, nhưng lý do chính là họ không biết chắc tương lai chính trị của Việt Nam sẽ như thế nào. Nếu mục đích của ông Linh là làm nản lòng những người muốn đầu tư vào Việt Nam thì mục đích này đã đạt tới.

Nạn nhân thứ hai là chính Đảng Cộng Sản Việt Nam. "Đổi mới hay là chết" đã là khẩu hiệu của đại hội VI. Không đổi mới thì chết nhưng cũng không thể đổi mới mà vẫn như cũ, vẫn vô sản chuyên chính, vẫn dân chủ tập trung, vẫn lấy kinh tế quốc doanh làm nền tảng, vẫn lấy chủ nghĩa Mác Lênin và tình đoàn kết với Liên Xô làm ưu tiên số một. Nếu như vậy, cùng lắm đảng chỉ có thể bỏ tù thêm một vài quan chức tham ô, kêu gọi công nhân bớt ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa... nghĩa là chỉ làm được những biện pháp vụn vặt mà đảng đã làm từ nhiều năm mà vẫn không giảm được tốc độ của đà suy thoái nhanh chóng. Nguyễn Văn Linh tưởng rằng thái độ sắt đá hiện nay của ông ngăn chặn được các lực lượng đối lập nhưng thực ra ông chỉ ngăn chặn đi chuyển của đảng cộng sản về một lối thoát. Dĩ nhiên là đảng cộng sản sẽ phải thay đổi đường lối trước những áp lực càng ngày càng dồn dập, càng ngày càng mãnh liệt của nhân dân cũng như của những thực tại. Nhưng nó đã làm mất đi một thời giờ vô cùng quý báu cho sự tồn vong của chính nó.

Sự thiếu văn hóa của những người lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam đã không cho phép họ thấy được vấn đề cốt lõi của đất nước. Trong bất cứ một quốc gia nào con người cũng là tài nguyên quý báu nhất, nhưng đối với Việt Nam con người còn là tài sản duy nhất. Hãy nhìn vào lịch sử của chính chúng ta. Khác với mọi dân tộc trên thế giới, tất cả nền văn minh của chúng ta nằm trong con người. Chúng ta có 4000 năm văn hiến, có một lịch sử dài và vẻ vang, nhưng chúng ta không có chứng tích vật chất nào cho nền văn minh của ta cả. Chúng ta không có Kim Tự Tháp, không có Vạn Lý Trường Thành, không có cung điện cổ xưa, không còn lại lâu đài thành quách. Tất cả di sản lịch sử của chúng ta chỉ là con người. Quá khứ tồn đọng trong mỗi con người Việt Nam và tương lai cũng chỉ là những con người. Xúc phạm tới con người, làm xuống cấp con người, giới hạn sự phát triển của con người, biến con người thành công cụ là phá hoại cái vốn liếng duy nhất của đất nước. Không thể có một chọn lựa nào khác cho Việt Nam ngoại trừ một chế độ tự do, đặt lòng tin tuyệt đối nơi con người và để cho con người vươn lên bên ngoài mọi cưỡng chế. Chủ trương áp đặt một khuôn thước độc đoán là một sự đại đột bởi vì nó đi ngược lại

với cái lô gích sinh tồn của dân tộc Việt Nam, một dân tộc có sức sống vô cùng mãnh liệt và sáng tạo.

Trong suốt dòng lịch sử, dân tộc này lúc nào cũng có những con người dũng cảm đứng lên thách thức mọi trật tự áp đặt. Đảng Cộng Sản Việt Nam ca ngợi Nguyễn Hữu Cầu và sĩ tử Phạm Bình Trọng. Họ đề cao Quang Trung, Cống Quỳnh, Hồ Xuân Hương. Họ tôn vinh tất cả những ai dám chống lại một trật tự đã được sắp đặt. Nhưng họ lại bỏ tù và xử bắn những người chống lại trật tự của chính họ. Họ tin chắc như đinh đóng cột rằng trật tự của họ là trật tự hoàn chỉnh, họ quên rằng những bạo chúa trước đây cũng đều tin tưởng chắc nịch rằng trật tự của mình đặt ra là tuyệt hảo. Nhưng lịch sử vẫn lừng lững tiến tới, xô ngã mọi xác quyết và dành cho mọi bạo quyền một chỗ đứng như nhau.

Lập trường dân chủ đa nguyên mới chỉ xuất hiện từ vài năm nay nhưng nó đã được sự hưởng ứng mau chóng của mọi người vì nó là xu hướng tất yếu của lịch sử, là công thức duy nhất để những con người có chính kiến khác nhau có thể chung sống và chung sức với nhau trong một cộng đồng dân tộc. Đó là chọn lựa duy nhất của thế giới văn minh tiến bộ. Chống lại chủ nghĩa đa nguyên là chọn sự thất bại chắc chắn. Vấn đề đặt ra cho đảng cộng sản ngày nay không phải là từ bỏ hay không từ bỏ chủ nghĩa cộng sản mà là từ bỏ cho thật mau và thật khéo. Những vùng vẫy bài xích chủ nghĩa đa nguyên của ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ là những trận đánh tuyệt vọng cuối cùng của đám hậu quân trong một cuộc chiến thực ra đã phân thắng bại. Nếu những người lãnh đạo đảng cộng sản có đôi chút sáng suốt thì phải hiểu rằng chủ nghĩa đa nguyên không phải là kẻ thù mà là cứu tinh của họ.

Nhưng nếu họ không đủ sáng suốt thì trách nhiệm của chúng ta lại càng lớn: một mặt chúng ta không thể để mặc cho một nhóm người thoái hóa làm cản mãi đường đi tới của cả một dân tộc, mặt khác không nên để cho sự thất vọng dẫn tới những chọn lựa cực đoan.

Cuộc đấu tranh vì dân chủ đa nguyên đã thực sự bắt đầu. Nó là cuộc đấu tranh của lẽ phải và nhân nghĩa, trong tình anh em và trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc. Nó phải thắng và phải thắng mau chóng. Phản ứng hung hãn của ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam cũng cho ta thấy hoàn cảnh khó khăn của những người ngay trong lòng chế độ đang cố gắng hết sức để tìm một giải pháp hợp tình hợp lý cho đất nước. Những người anh em này cần được bảo đảm rằng họ không đơn độc.

Thông Luận

Phong thánh

Phạm Trọng Luật

*"Sự vinh quang đôi khi là một ngộ nhận,
và có thể là ngộ nhận lớn nhất"*
(Jorge Luis Borges)

Phong thánh không phải là độc quyền của tôn giáo và của các giáo hội. Tại nhiều nước, nhất là những nước trọng đạo đức lễ nghĩa ngày xưa ở Phương Đông như Trung Hoa và Việt Nam, vua chúa và người bình dân nhiều khi cũng phong thánh, dĩ nhiên là theo những hình thức dân tộc của họ, cho những người mà xã hội xem là xứng đáng được tôn thờ. Ở Việt Nam ta, câu chuyện phong thánh xa xưa nhất, nhiều tình tự dân tộc nhất là chuyện Phù Đổng Thiên Vương hay chuyện Thánh Dóng, được truyền khẩu qua nhiều thời đại, sang đến đời Trần thì được Vũ Quỳnh với Kiều Phú ghi lại và đưa vào "*Lĩnh Nam Chích Quái*", một tập truyện cổ dân gian.

Đời Hùng Vương thứ sáu, giặc Ân sang xâm lấn nước ta. Vua sai sứ đi rao trong nước để tìm người tài giỏi ra giúp nước. Bấy giờ ở làng Phù Đổng, (tỉnh Bắc Ninh) có một cậu bé, đến ba tuổi còn chưa biết nói, chỉ nằm ngửa chứ không ngồi dậy được, đột nhiên đòi mẹ cho mời sứ giả đến. Khi gặp sứ thần, cậu bé xin nhà vua sai đúc một con ngựa, một thanh kiếm, một roi và một nón sắt, để cậu đi đánh giặc. Sứ giả về tâu lại, vua vừa kinh sợ vừa mừng rỡ, nhưng vẫn làm đúng theo lời. Khi ngựa và các món vũ khí đã đúc xong, cậu bé vươn vai một cái thành người cao lớn hơn một trượng, rồi nhảy lên ngựa, đầu đội nón, tay kiếm tay roi ra trận. Phá tan giặc Ân rồi, con người thần kỳ ấy đi đến núi Sóc Sơn thì biến mất. Vua nhớ ơn, truyền lập đền thờ ở làng Phù Đổng, sau phong làm Phù Đổng Thiên Vương.

Đó là câu chuyện thời tiền sử, có giá trị tượng trưng hơn là giá trị xác thực. Nhưng thời chính sử cũng có những vị anh hùng dân tộc được phong thánh. Trần Quốc Tuấn, người đã đánh tan quân Mông Cổ xâm lược, là một. Ông là người có công to với đất nước, lại ăn ở thật là công chính với mọi người, nên từ vua đến dân, ai cũng tôn kính. Ông được phong làm Thái Sư, Thượng Phụ, Thượng Quốc Công, Bình Bắc Đại Nguyên Soái, rồi Hưng Đạo Vương; vua lại sai người về Vạn Kiếp làm sinh tử để thờ ông nơi dinh cư ông đóng ngày trước. Được tôn thờ từ khi còn sống, ông là một vị thánh sống hiếm hoi, nếu không phải là độc nhất của dân tộc; lúc ông mất đi, nhân dân nhiều nơi vẫn tiếp tục lập đền thờ để tưởng nhớ công đức của ông. Những người đã sống tại Sài Gòn, chẳng ai còn lạ gì tượng Đức Thánh Trần ở bến Bạch Đằng.

Qua hai ngàn năm lịch sử, đất nước Việt Nam không thiếu

gì anh hùng, nhưng không bao nhiêu người được phong thánh. Một Bình Định Vương Lê Lợi chẳng hạn, vị anh hùng áo vải đã gian khổ kháng chiến chống quân Minh trong mười năm trời, kể từ ngày khởi nghĩa ở Lam Sơn đến ngày đại thắng ở Chi Lăng, chiến công lừng lẫy, tài thao lược có thừa, thế mà không thấy trong sử sách ghi được nhân dân lập đền thờ. Hay là cái đức độ của ông, khi trở thành vua Thái Tổ nhà Hậu Lê, đã một phần nào bị nhem nhọc đi, vì những chuyện bạc đãi và giết hại công thần? Người đời sau, khi đứng trước bia Vĩnh Lăng ghi tạc sự nghiệp của nhà vua, chẳng mấy ai không cúi người nhớ lại lời thề ở Lũng Nhai, không chạnh lòng nghĩ đến những Nguyễn Trãi, Trần Nguyên Hãn và Phạm Văn Xảo.

Không có Đức Thánh Lê mà lại có Đức Quan Thánh, một nhân vật Trung Hoa thời Tam Quốc không có liên hệ gì đến vận mạng của đất nước! Ai có đọc Tam Quốc, chắc đều có chung một tình cảm khi đọc đến đoạn Quan Vân Trường chết trận: câu chuyện gần như không còn lý thú gì nữa! Và bởi vì mọi người đều cảm phục những hành động anh hùng, kính trọng lối sống nhân nghĩa của Quan Công, nên mặc dù chẳng bị ai bắt buộc cả mà, người Hoa và người gốc Hoa, nhiều người Việt Nam cũng lập bàn thờ để thờ phụng ông trong nhà.

*

Phong thánh như vậy, nhiều người sẽ chê là không có nguyên tắc; sự thiếu nghiêm túc đó chỉ là bề ngoài. Cái cơ sở chung của những chuyện phong thánh nói trên là những người được phong thánh phải vừa có thành tích, lại vừa có nhân phẩm; nghĩ cho cùng thì sự nghiệp chỉ là điều kiện cần, đức độ mới là điều kiện đủ. Và cái hay của nó là, một khi đã hội đủ hai điều kiện trên, thì không còn sự kỳ thị giữa người trong nước với người nước ngoài, theo đúng tinh thần "*bốn bề đều là anh em*".

Điều đó nói lên bản chất của một dân tộc vừa trọng đạo lý, vừa biết sống bao dung, và trong một chừng mực nào đó cũng có tinh thần quốc tế. Nhưng bao dung không có nghĩa là chấp nhận bừa bãi, cũng không có nghĩa là trộn lẫn lung tung. Người ta lập đền, xây tượng Hưng Đạo Vương để mọi người Việt Nam cùng thờ; Đức Thánh Trần là một vị thánh chung cho cả nước. Người ta vẽ hình Quan Vân Trường để ai tôn kính ông thì mua về thờ trong nhà; Đức Quan Thánh chỉ là một ông thánh riêng đối với những gia đình ngưỡng mộ nhân cách người quân tử của ông. Không có sự lẫn lộn giữa cái chung và cái riêng ở đây.

Người nước ta cũng không có cái tục tự phong thánh. Theo truyền thuyết, giải phóng đất nước xong, Phù Đổng Thiên Vương đã biến mất, không bắt ai thờ phụng mình.

Trong lịch sử, Trần Hưng Đạo, mặc dù được các vua Thánh Tông và Nhân Tông nhà Trần ban cho đặc quyền phong tước, ở nhiều cấp phong rồi mới tâu lên vua sau, đã không bao giờ tự tiện phong thưởng cho ai cả, đừng nói chi tự phong thánh cho mình. Có lẽ vì thế mà chuyện Thánh Dóng còn được truyền tụng đến bây giờ, và Đức Thánh Trần vẫn mãi mãi còn trong tâm khảm người Việt.

Từ ngày thu nhập chủ nghĩa cộng sản, nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc đã bị gói gọn vào trong một cái bọc gọi là "phong kiến" để dễ vất vào thùng rác. "*Đảng không bao giờ sai lầm*" (mặc dù vẫn thường xuyên có những đợt sửa sai và bây giờ lại có cả phong trào "đổi mới"). Không bao giờ sai lầm là một thuộc tính của những bậc Vô Hạng; đã tự xem mình là Thượng Đế được, thì không gì mà Đảng không dám làm. "*Đảng lớn nhanh như Thánh Dóng!*" Tự phong thánh cho mình chưa đủ, Đảng còn đóng vai trò của các vua chúa ngày xưa, phong thánh và xây lăng cho người sáng lập ra Đảng để mọi người cùng tôn thờ!

*

Sự xuất hiện của Lãng Bạc ở quảng trường Ba Đình làm tôi liên tưởng đến Lãng Ông ở khu Bà Chiêu, tức lăng Lê Văn Duyệt, một "khai quốc công thần" của triều Nguyễn. Ông Duyệt là tướng võ, tánh tình tuy ngay thẳng nhưng nóng nảy, tâu đối với vua không đủ vẻ kính phục thành thử mất lòng vua Minh Mạng. Khi ông làm Tổng Trấn Gia Định, cha vợ vua là Huỳnh Công Lý làm Phó Tổng Trấn, ý thế con làm nhiều điều bạo ngược. Ông khép Lý vào tội tử hình, và đệ biểu về triều. Nhà vua muốn cứu cha vợ, còn một chước là đem Lý về triều rồi sau kiếm cách tha, mới phê vào biểu: "*Lý đáng tội tử hình, điều về kinh chịu tội*". Ông được chiếu, dạy chém Lý, muối đầu bỏ vào thùng, niêm phong lại, ngoài đề: "*Phụng thờ thánh chỉ, xử trảm tội nhân*". Đã bị ghét, ông lại bị thù từ đó.

Về sau, khi Lê Văn Khôi làm loạn thất bại, vì bọn phản loạn đều là bề tôi cũ của Lê Văn Duyệt nên ông cũng bị bắt tội lây. Mặc dù lúc đó đã mất, theo lối hành xử đáng khinh của một số vua chúa phong kiến, ông vẫn bị lột hết chức tước phẩm hàm, mồ mả cũng bị san phẳng. Sang đến đời vua Tự Đức, nhờ sớ xin gia ân cho con cháu những công thần bị tội của quan Đông Các Đại Học Sĩ là Vũ Xuân Cẩn, Tự Đức cho truy phong ông lại một lượt với những công thần bị tội khác (Lê Chất và Nguyễn Văn Thành), và cho làm miếu thờ để tránh khỏi cái cảnh tả trong sớ là "*tàn hồn phải bơ vơ như ma, trôi ngoài đồng, khác nào quỉ Mạc Ngao không ai thờ cúng*". Lãng Ông, như vậy, là cái "luơng tâm bút rứt" của vua tôi nhà Nguyễn.

Lãng Bạc, ngược lại, là cái "luơng tâm trong sáng" của Đảng Cộng Sản Việt Nam. "*Lãng là một công trình kiến trúc có kích thước rất lớn, xây trên nơi đặt di hài của một vĩ nhân hoặc, ngày xưa, của vua chúa*" (Từ Điển Tiếng Việt, Nxb KHXH, 1977). Ông Hồ là người đời nay, lại không phải là vua chúa, ông chỉ còn có thể là một vĩ nhân. Vấn đề như vậy là ông Hồ có thực là một vĩ nhân hay không, và là vĩ nhân đối với ai. Một khi đã quyết định xây lăng cho ông (ngược với ý muốn của ông Hồ?), Đảng không thể ngăn cấm mọi người đặt câu hỏi đó.

*

Đánh giá sự nghiệp của ông Hồ là một điều khá phức tạp. Nhiều người ngoại quốc, khi nghiên cứu về ông, thường thắc mắc về tính chất cộng sản hay không của ông. Người khác lại nhận định là trong ông Hồ có hai con người, một con người cộng sản và một con người dân tộc, bởi lẽ là ông đã tranh đấu cho chủ quyền dân tộc dưới một ngọn cờ quốc tế. Có người còn khẳng định là ông đã thực hiện được một sự tổng hợp giữa cái quốc tế và cái dân tộc. Đối với nhiều người Việt Nam, những phán đoán kiểu này không có giá trị như một sự hiển nhiên, bởi vì nó bao hàm một định đề không hiển nhiên chút nào, là cái quốc tế và cái dân tộc KHÔNG BAO GIỜ mâu thuẫn với nhau.

Tôi không nghĩ là ông Hồ đã thực sự tổng hợp được cái quốc tế và cái dân tộc; tôi nghĩ là trong cuộc đời hoạt động của ông, cái quốc tế đã dần dần áp đảo cái dân tộc. Chỉ cần đọc lại di chúc của ông là đủ thấy điều đó. "*Vì vậy tôi để sẵn mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê Nin, và các cụ cách mạng đàn anh khác*"; trong số các cụ được kể ra, không có cụ nào thuộc giống nòi Hồng Bàng (Quang Trung, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Lý Thường Kiệt, chẳng hạn), cụ nào cũng thuộc dòng giống Hồng Kỳ hết cả. Ông cũng nhắc nhở Đảng "*một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ tổ quốc*"; giai cấp đã đi trước nhân dân và nhân dân đi trước tổ quốc; nhân dân, theo một định nghĩa của chính ông, lại chỉ bao gồm giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể, và thành phần trí thức xã hội chủ nghĩa. Nếu tờ di chúc là phản ảnh trung thực nhất của khối óc và con tim của một người sắp chết, thì ông Hồ là người quốc tế hơn là người dân tộc.

Viết như thế, tôi không ám chỉ ông Hồ không phải là người yêu nước; ông yêu nước theo lập trường của ông. Nhưng tôi thành thực nghĩ ông là người đã đi lầm đường. Có thể là những năm thuộc phần ba đầu thế kỷ này, những người yêu nước như ông Hồ khó lòng không trở thành cộng sản; thế giới nằm giữa hai cuộc chiến tranh chủ yếu xuất phát từ những đối kháng quốc gia, nhân dân các nước tư bản có thuộc địa chưa sẵn sàng nhả thuộc địa, một phong trào quốc tế đang thành hình với lời thề giải phóng các dân tộc và giai cấp khốn cùng (nghèo đói và bị áp bức). Nhưng ngày nay, ở vào phần ba cuối thế kỷ 20, những người yêu nước, ngược lại, khó lòng trở thành hay tiếp tục làm người cộng sản, nếu nhìn vào chiều hướng phát triển chung của cả thế giới, vào những đổi thay trong các nước tư bản, vào những thành tựu của các nước cộng sản, và vào sự bế tắc của cả hai con đường tư bản và cộng sản trước toàn bộ vấn đề phát triển thực sự xã hội và con người.

Ông Hồ đã nhầm lẫn khi ông chọn lựa đưa đất nước tiến lên dưới ngọn cờ của một chủ nghĩa lấy đấu tranh giai cấp làm nền tảng. Mâu thuẫn giai cấp là một dữ kiện lịch sử, nhưng một khi nó đã trở thành một cuộc tranh đấu có ý thức lại được nuôi dưỡng bằng căm thù - một thứ chủ nghĩa - thì cái sự kiện đó có thể trở thành một vũ khí vừa lợi hại vừa tai hại. Lợi hại trong giai đoạn còn chiến đấu chống ngoại xâm, nhất là khi nó được phối hợp với chính sách đoàn kết giai

đoạn của Đảng, bởi vì ngoài các thành phần dân tộc ra, nó động viên được cả những tầng lớp bên dưới của các quốc gia thù địch. Nhưng một khi không còn người ngoại quốc nữa thì nó trở thành tai hại: những người cùng có chung một tổ quốc, một văn hóa, một lịch sử, một ngôn ngữ... bỗng dưng trở thành những kẻ thù không đội trời chung! Để rồi, theo lời khuyên của Trần Thủ Độ, "*nhỏ cỏ phải nhổ tận gốc rễ*", hãm hại nhau đời này chưa đủ, người ta còn tìm ra những biện pháp kiến hiệu để kèm kẹp nhau ở các thế hệ sau!

*

Ông Hồ là người có một sự nghiệp, và nhìn dưới khía cạnh quốc tế, sự nghiệp đó thật là vĩ đại; nếu một ngày kia, tất cả thế giới đều quy về một mối dưới ngọn cờ búa liềm, tất cả loài người trở thành một thứ nhân loại vô sản, sự nghiệp đó còn hiển hách hơn nữa. Bằng một cuộc chiến đấu dai dẳng và gian khổ vào bậc nhất, ông đã đóng góp một phần quyết định vào việc mở mang bờ cõi của chủ nghĩa cộng sản, đánh bại chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc trắng, đã đưa đất nước của ông, một nước nông nghiệp lạc hậu, không có bao nhiêu thợ thuyền, vào quỹ đạo của giai cấp công nhân và của khối xã hội chủ nghĩa. Không kể Karl Marx và Lenin, có lẽ trừ một Mao Trạch Đông của nước Trung Hoa rộng lớn, chẳng bao nhiêu lãnh tụ cộng sản có thể tự hào với một cơ đồ tương tự.

Ngoài sự nghiệp quốc tế vĩ đại, ông Hồ còn là một chiến sĩ kỷ luật đến trở thành gương mẫu đối với Đệ Tam Quốc Tế. Theo đuổi cùng lúc những mục tiêu thế giới và quốc gia, về đường lối đấu tranh, ông đã luôn luôn bám sát những chuyển hướng đột ngột và sự lèo lái ngoằn ngoèo của Quốc Tế. Khi Đại Hội V (1924) Komintern đưa ra đường lối "hữu khuynh" (liên hiệp mọi lực lượng phản đế), ông cũng chủ trương cộng tác với mọi tổ chức yêu nước qua một mặt trận dân tộc (chương trình của "Thanh niên"). Khi Đại Hội VI (1928) quặt sang đường lối "tả khuynh" ("giai cấp chống giai cấp"), ông thống nhất các tổ chức đảng phái theo khuynh hướng Mác-Lênin thành một đảng cộng sản duy nhất (1930), với một chương trình khởi (công nhân, nông dân, các thành phần lao động nghèo) chống khối (đế quốc, phong kiến, địa chủ, tư sản dân tộc) không nhân nhượng. Khi Đại Hội VII (1935) lại quặt về chủ trương "hữu khuynh" ("mặt trận chống phát xít"), ông dựng lên mặt trận "Việt Minh" (1941), mở rộng sự đoàn kết ra đến cả những nhóm "thực dân chống phát xít", tạm giải thể "Đảng Cộng Sản Đông Dương" (1945), thành lập mặt trận "Liên Việt" (1946). Chỉ sau khi "Đảng Cộng Sản Trung Hoa" lên nắm chính quyền (1949), một đảng cộng sản mới tái xuất hiện ở Việt Nam (1951) với cái tên thận trọng là "Đảng Lao Động".

Theo đuổi đồng thời những mục tiêu quốc tế và quốc gia, nhưng kỷ luật và gương mẫu, ông Hồ luôn luôn nhượng bộ trước những yêu sách của Quốc Tế, dù đôi khi những đòi hỏi này xúc phạm đến niềm tự hào dân tộc, hay thiệt thòi cho cuộc tranh đấu quốc gia. Khi "Đảng Cộng Sản Việt Nam" ra đời (1930), cấp lãnh đạo Đệ Tam Quốc Tế, mặc dù chấp nhận sáng kiến thành lập Đảng, đã ngăn cấm Đảng sử dụng những sự vật tượng trưng cho Việt Nam, xem đấy là một sự

lệch lạc có tính chất "quốc gia chủ nghĩa". Ông đã dùng hết uy tín của mình để áp đặt cho các đồng chí sự từ bỏ mọi quy dẫn về đất nước; để tránh nghi kỵ, "Đảng Cộng Sản Việt Nam" còn đổi tên thành "Đảng Cộng Sản Đông Dương". Cũng vì kỷ luật và tinh thần quốc tế, ông đã chấp nhận, hai mươi bốn năm sau tại hội nghị Genève, những điều kiện chấm dứt chiến tranh thật ra chỉ phù hợp với các đòi hỏi chiến lược của phong trào quốc tế lúc đó, hơn là với quyền lợi của đất nước Việt Nam sau một chiến thắng vang dội như ở Điện Biên Phủ.

Nói về ông, có người đã bình luận rằng, trong cuộc đời hoạt động của ông Hồ, ông có hai mối tình: quốc tế vô sản và tổ quốc Việt Nam. Qua những dữ kiện lịch sử để lại, thật khó lòng phủ nhận sự trọn vẹn của mối tình thứ nhất: không chút tí vết, sứt mẻ. Tên tuổi ông chưa bao giờ bị lôi kéo vào các bất đồng nội bộ của Đệ Tam Quốc Tế; khác với nhiều lãnh tụ cộng sản khác, ông không bị nhận chìm, mà vẫn tồn tại nguyên vị qua bao cơn bão táp của phong trào. Chúng có lẽ những người đồng chí hướng với ông không thể từ chối một sự đánh giá ca ngợi và nhất trí về ông; Đảng Cộng Sản Việt Nam xây lăng cho ông là điều dễ hiểu. Chỉ đáng tiếc là người ta đã không xây lăng ông ở Liên Xô, hiểu như thánh địa của người vô sản, bên cạnh những vĩ nhân khác của thế giới cộng sản. Tôi viết những dòng này hoàn toàn không một chút mỉa mai.

*

Ông Hồ có một sự nghiệp, và nhìn dưới khía cạnh dân tộc, sự nghiệp đó thật là một tai họa cho tổ quốc của ông, nếu đánh giá KHÁCH QUAN qua thực trạng của Việt Nam ngày nay. Tất cả các mục tiêu dân tộc, bị khuynh loát bởi tham vọng cộng sản hóa toàn bộ đất nước, đã chỉ có thể dẫn đến những kết quả trái ngược. Độc lập? Ông đã thành công trong việc đánh đuổi thực dân Pháp và đế quốc Mỹ; nhưng Việt Nam chưa bao giờ lệ thuộc vào đế quốc đỏ như bây giờ, và ít nhất là một phần đất nước (Cam Ranh, Hoàng Sa, Trường Sa) đã thực sự nằm trong tay các nước, các đảng đàn anh. Thống nhất? Ông đã chỉ thành công về mặt hành chính, và đẩy lùi xa hơn nữa triển vọng thống nhất đất nước thật sự trong con tim của mỗi người dân Việt. Hòa bình? Giấc mộng bá quyền của hai cường quốc mà ông dựa vào để đánh đuổi thực dân và đế quốc trắng đang đòi hỏi tổ quốc ông phải trả nợ bằng một cuộc chiến tranh khác, nửa tự vệ nửa xâm lược. Phồn vinh? Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia nghèo đói nhất thế giới, một đất nước điêu tàn, một giống nòi chia cắt, chỉ vì những giáo điều "đấu tranh giai cấp", "chuyên chính vô sản"...

Ông Hồ có hai mối tình. Khác với cái thứ nhất, mối tình thứ hai của ông là một sự ép ồng. Do đó, là lãnh tụ, ông chỉ làm sôi nổi được con tim của một nửa dân tộc. Chúng có lẽ người Việt Nam - tôi nói những người đấu tranh yêu nước - không hề có cùng một sự đánh giá khen chê về ông. Ông không thể là một anh hùng dân tộc trọn vẹn, khi ông muốn đem cái riêng áp đặt làm cái chung cho cả nước. Chống phong kiến, ông là người của thời đại cộng hòa, khi ông xác

định bằng hành động, trong giai đoạn chiến tranh giành độc lập, là đất nước không thuộc về một ai, đất nước là của chung. Nhưng chống phong kiến, ông hãy còn vương mắc quan điểm phong kiến, khi ông chiến đấu với cái định kiến là sau khi giải phóng, đất nước phải trở thành của riêng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Phong kiến hay cộng hòa, tựu trung, không chỉ là một vấn đề thời điểm, mà còn là một vấn đề tinh thần. *"Ta là người mặc áo vải, chuyên nghề cày cấy. Nay vì trừ bạo mà nổi binh, lòng không nghĩ đến việc xưng vương xưng bá"*, với cái tâm hồn của những ngày còn ăn thề ở Lũng Nhai ấy, một Lê Lợi của đầu thế kỷ thứ 15 vẫn có thể là anh hùng dân tộc hiện đại. Với cái tâm địa của một ông vua sợ mất ngôi báu, đến nghi ngờ và hãm hại cả những người đã cùng mình nằm gai nếm mật, vào sanh ra tử, vua Thái Tổ nhà Hậu Lê chỉ còn là một ông vua tầm thường, của một thời đại chuyên chế không đáng luyến tiếc!

Tổ quốc còn là nhân dân. Và ông Hồ còn là một lãnh tụ cộng sản nói và viết rất nhiều về nhân dân, kể cả bằng văn vần; nhiều câu biểu lộ một lòng tin sâu sắc, một tình cảm đậm đà:

*"Để trăm lần không dân cũng chịu
Khó vạn lần dân liệu cũng xong"*

Nhưng ông cũng là người đã lồng lên khái niệm nhân dân những giới hạn của khái niệm vô sản, như chỉ bao gồm các giai cấp công nhân, nông dân tập thể và thành phần trí thức xã hội chủ nghĩa. Tấm lòng của ông, chung quy, chỉ hướng về những ai được ông xem là "nhân dân"; làm dân Bác Hồ lại không phải là điều dễ dàng, nếu không có được cái điểm phúc đã sinh trưởng trong một giai cấp "tiên tiến", thì cũng phải là người đã đến với Bác qua một quá trình cách mạng. Trần Thủ Độ ngày xưa, yêu dân không bằng yêu cơ đồ nhà Trần, nên khi nhìn nhân dân, vẫn có sự phân biệt Lý Trần; trong trái tim ông Hồ, lúc nào cũng thao thức một "khai quốc công thần" Trần Thủ Độ.

Mối tình của ông Hồ đối với Đệ Tam Quốc Tế là một mối tình lớn, nó bao trùm cả những sai lầm đẫm máu của phong trào vô sản; mối tình của ông đối với tổ quốc chỉ là một mối tình con, nó không bao hàm một nhân nhượng nào, một thứ tha nào, một tin cậy nào, đối với những người đã trót đại chống lại chủ nghĩa cộng sản hay chỉ ngoan cố không dấn thân vào con đường ông lựa chọn cho đất nước. Dù to lớn đến đâu, nó vẫn còn thua kém đôi chút tấm lòng của ông đối với quốc tế cộng sản. Tôi viết những dòng này cũng hoàn toàn không một chút mỉa mai.

*

Đó là nói về sự nghiệp của ông Hồ; đánh giá cái đức độ của ông cũng không đơn giản hơn. Đầu tiên, vì ông vẫn thường được ca tụng như một nhà giáo dục đại tài, người ta có thể nhận định nhân phẩm ông qua những điều ông dạy dỗ cán bộ và đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam. Ông là một lãnh tụ cộng sản có một ngôn ngữ thoát nghe như của nhà nho; cái điểm đặc biệt đó của ông đã góp phần không nhỏ gây ra ngộ nhận là ông đã tổng hợp được cái quốc tế và

cái dân tộc, cái xưa và cái nay. Thật ra, đây không phải là một sự tổng hợp đích danh, mà chỉ là cái pháp thuật "bình cũ rượu mới" cố hữu, nhằm sản xuất ra những viên gạch ngoại lai nguy trang thành quen thuộc, hầu dễ dựng lên cái nền văn hóa "nội dung xã hội chủ nghĩa, hình thức dân tộc" mà Đảng hàng áp ủ!

"Trung với nước, hiếu với dân" là một điển hình. Nếu "trung" với "hiếu" là những từ phản phát nhân sinh quan Khổng Mạnh, thì "nước" với "dân" là những từ phải được hiểu qua quan điểm giai cấp; "trung", "hiếu" chỉ là cái vỏ ngoài, cái ruột trong là đất nước vô sản và giai cấp công nông. Ông còn dạy cư xử với nhau *"hợp tình hợp lý"*; nhưng nếu cái lý đó chỉ là lý luận Mác Lênin, và cái tình đây chỉ là tình hữu ái giai cấp, thì lối cư xử này còn bất công và nguy hiểm hơn nữa cho những người không phải là đồng chí của ông. Những bài học đạo đức cách mạng khác cũng phải được hiểu qua lăng kính giai cấp, với tất cả sự lệch lạc của nó. *"Chí công - vô tư"*, chẳng hạn, trong tinh thần "hợp tình hợp lý", đối với những đảng viên phạm pháp nhưng có thành tích cách mạng, trên thực tế, chỉ có thể dẫn đến một thứ công lý bè phái mệnh danh là "xử lý nội bộ".

Người ta cũng có thể đánh giá cái đức độ của ông Hồ qua những việc ông không làm (vì không muốn làm hay không thể làm) khi Đảng Cộng Sản Việt Nam lấy những quyết định sắt máu nhất. Ông chỉ can thiệp để chấm dứt cái trò đấu tố trong cuộc cải cách ruộng đất của Trường Chinh khi sự phần nộ của của dân chúng đã kết tinh thành từng đợt nổi dậy. Ông cũng không làm gì đáng kể để tránh cho giới văn nghệ sĩ miền Bắc những búa rìu trấn áp của Đảng trong vụ "Trăm Hoa Đua Nở", khi những người trí thức này lên tiếng tố cáo những điểm tiêu cực của chế độ. Ai biết ông đã đóng vai trò nào khi Trung Ương Đảng biểu quyết phát động cuộc chiến tranh thôn tính miền Nam, với cái giá khổng lồ là hơn hai triệu người chết?

Là con cháu Nguyễn Trãi, ông cũng đồng thời là một đồ đệ xa xôi nhưng trung thành của Machiavel. Ở tổ tiên, ông đã kế thừa được cái ngôn ngữ nhân nghĩa. Ở sư tổ, thông qua sư phụ Lenin, ông đã thừa hưởng được lối làm chính trị "khoa học": *"cứu cánh chúng mình cho phương tiện"*. Ông Hoàng phải vừa là chồn cáo, vừa là sư tử; ông Hoàng không cần phải là người nhân đức, mà chỉ cần có vẻ nhân đức trước mắt mọi người. Nguyễn Trãi chỉ có thể phụng sự Machiavel, Machiavel chẳng đời nào lại phải đi phục vụ Nguyễn Trãi! Ngôn ngữ nhân nghĩa chỉ là phương tiện để thành công, ngôn ngữ nhân nghĩa không phải là cái mỏ neo để riêng con tàu cách mạng vào một bến bờ đạo đức nào hết.

Trong chiến tranh, để động viên nhân dân, ông cải tổ chế độ ruộng đất: người cày có ruộng; khi đã nắm chính quyền, để tiến lên chủ nghĩa xã hội, ông tập thể hóa ruộng đất: dân cày chỉ còn cái khổ. Thời kháng chiến, để quyền rũ giai cấp tư sản dân tộc: giai cấp tư sản thuộc địa cũng là nạn nhân của giai cấp tư sản mẫu quốc; khi trở thành đảng cầm quyền,

để bước vào xã hội vô sản: giai cấp tư sản dân tộc lại thuộc thành phần bóc lột, với những tội trạng ngoại suy từ bối cảnh lịch sử của nước Anh ở thế kỷ 19. Trong chiến tranh, ông kêu gọi "hòa hợp dân tộc", để xua đuổi ngoại bang và xây dựng lại đất nước đẹp đẽ hơn gấp mười; khi lên nắm chính quyền trên cả nước, nếu còn sống, để củng cố chế độ cộng sản, liệu ông sẽ hành động khác hơn những đồng chí của ông trong việc cai trị đất nước?

Khó có thể tin là Hồ Chí Minh, nhà cách mạng khoa học, sẽ lại có lối hành xử của Trần Nhân Tông, một ông vua phong kiến. Bất được những giấy má của một số quan dân đã tư thông với giặc Nguyên, thay vì nghe lời đình thần lục ra để trị tội, nhà vua lại đem đốt đi cho yên lòng dân, tìm lại sự hòa hợp trong nước. Cái khác nhau giữa khoa học và nhân nghĩa là thế, giữa cộng sản với phong kiến là vậy! Ôi, cái ngu của cả một thời đại chưa được ánh sáng của chủ nghĩa Mác Lênin rọi đến!

*

Ông Hồ có phải là người cộng sản? Những người ngoại quốc vẫn ôm nghi vấn này, bây giờ hẳn đã tìm ra câu trả lời; đất nước Việt Nam đã bị cộng sản hóa từ Bắc chí Nam. Ông Hồ có phải là người dân tộc? Những người nước ngoài chưa bao giờ có thắc mắc này, cho là thừa, có thể bắt đầu tự hỏi. Đám con cháu vua Hùng đang đổi kiếp: đứa ở lại, làm người da đỏ, sống như dân thiểu số mạt hạng trên quê hương mình, nhìn nếp sống của cha ông đảo lộn mỗi ngày trước những giá trị tinh thần lạ hoắc; đứa bỏ đi, làm người Do Thái, cố bám giữ dăm ba truyền thống của tổ tiên, trong một quá trình biến chất không thể tránh. Ông Hồ đã tổng hợp được tính Việt Nam với tính cộng sản? Những người ngoại quốc vẫn đình ninh chân lý này có thể bắt đầu hoài nghi. Nếu dân tộc Việt Nam không chờ đợi có chủ nghĩa cộng sản mới biết đấu tranh chống ngoại xâm, biết lao động để tiến hóa, với chủ nghĩa cộng sản, dân tộc này đang học tập đấu, đánh, oán, thù, giữa những con cùng một mẹ.

Nếu người Việt Nam ngày nay còn phải đặt một số câu hỏi liên quan ít nhiều đến ông Hồ, những câu hỏi này sẽ thuộc một thứ loại khác! Từ 1975 đến nay, bao nhiêu người đã bỏ mạng trong các trại cải tạo? Bao nhiêu người đã làm mồi cho loại người thú, cho loài cá mập ngoài biển? Bao nhiêu người đã chết mòn trong các trại định cư? Bao nhiêu người đã sạt nghiệp? Bao nhiêu gia đình đã hết hy vọng trông thấy nhau? Bao nhiêu "con cái ngụy" không còn trông mong gì có được một ngày mai sáng sủa?

"Bầu ơi thương lấy bí cùng"

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn"

Câu ca dao của dân tộc nào, của đất nước nào, nghe sao mà đau thương, nghe sao mà lạc lõng!

Nếu chỉ vì giết hại một số công thần, nghĩa sĩ, mà những người có công to với đất nước - như Lê Lợi - ngày xưa, đã không được người đương thời và hậu thế khâm phục đủ để tôn thờ, thì không có lý do gì để người đời nay phải phong thánh cho một người thiếu cả điều kiện cần lẫn điều kiện đủ để được hưởng vinh dự đó như ông Hồ! Lãng Bác có thể là cái "lương tâm trong sáng" của Đảng Cộng Sản Việt Nam; tôi chỉ sợ rằng, đối với ít ra là một nửa cộng đồng dân tộc, nó chỉ có giá trị như một ngộ nhận của lịch sử, biểu hiệu cho một quá khứ tương tàn, một hiện tại ác mộng, một tương lai tắc nghẽn, không riêng gì của họ mà cho cả nước.

*

Về thăm Sài Gòn, tôi đã chứng kiến nhiều chuyện hết sức kỳ quái. Khi nghe quân Trung Cộng đánh vào Lạng Sơn, nhiều người Việt Nam không thấy trong lòng sôi sục, mà lại thấy một phần nào nhẹ gánh lo âu, vì Đảng còn mắc kẹt với đảng anh em chùng não

thì càng để yên thân đồng bào chùng não! Một lần khác, xem phim thời sự trong rạp chiếu bóng, trên màn ảnh có những người vừa nói đuổi nhau đi vòng quanh di hài ông Hồ vừa khóc nức nở, khán giả không ai bảo ai cùng cười rữ rượi! Những chuyện đó làm tôi bàng hoàng: tôi không ngờ cái hố phân cách giữa người Việt với nhau bây giờ sâu rộng đến thế! Những người khóc không phải khóc hờ: "Bác Hồ" đã đổi cuộc đời của họ từ chỗ khốn cùng lên chỗ nghèo đói, con đường tuy không bao xa, nhưng nó mang ý nghĩa của một sự giải phóng. Những người cười cũng không phải cười gượng: "già Hồ" đã đổi cuộc đời của họ từ chỗ sống được xuống chỗ khốn cùng, con đường có thể cũng không bao xa, nhưng nó mang ý nghĩa của một sự giải phóng nói lái.

Rốt cuộc thì sự khốn cùng - nạn nghèo đói và nạn áp bức - tuy đã đổi thay giai cấp, nhưng vẫn còn nguyên đấy! Nếu gọi đó là một cuộc cách mạng thì, giữa người Việt Nam với nhau, cho tôi hỏi thật, trong cuộc đổi đời trên cả nước còn đang tiếp diễn này, bao nhiêu người đã khóc, bao nhiêu người đã cười, trong số những người là đối tượng của cách mạng? Bao nhiêu người đã cười ra nước mắt, bao nhiêu người đã khóc ra tiếng cười, trong số những người hoạt động cách mạng? Cuối cùng rồi, có lẽ mọi người đã chỉ có chung với nhau một giấc hòe.

"Giác Nam Kha khéo bất bình"

Bùng con mắt dậy thấy mình tay không"

Nếu lăng ông Hồ xây ở một công trường đồ nào đó trên đất thánh Liên Xô, tôi không có gì để nói: ông là một vĩ nhân của quốc tế vô sản. Nếu những người cộng sản Việt Nam tôn thờ ông trong nhà, tôi cũng không có gì để bàn: có người thờ Quan Văn Trường được vì tinh thần truyền thống, thì cũng có người thờ Hồ Chí Minh được vì tinh thần quốc tế. Điều mà người ta dị nghị là Đảng đã đòi hỏi mọi người tôn thờ ông như một vị anh hùng dân tộc trọn vẹn, một ông thánh chung cho cả nước, trong khi đất nước đang phá sản toàn diện, cộng đồng dân tộc đang vỡ nát vì cái chủ nghĩa mà ông theo đuổi. Dù sao thì lăng ông cũng đã xây, và ông là người đã nằm xuống nghìn thu. Tôi không viết bài này để thóa mạ người đã khuất; tôi cũng không viết bài này để chọc giận những "trò giỏi", những "cháu ngoan" của ông. Nhân có cuộc tranh luận về một chuyện phong thánh khác, tôi chỉ nuôi tham vọng, bằng một đóng góp nhỏ, nhưng thẳng thắn và chân thành, làm cho mọi người thấy rõ hơn nữa sự phân hóa cùng cực của giống nòi Việt Nam, qua một người, nếu không bị THA HOA vì một chủ nghĩa không tưởng, đã đương nhiên là người cha già của cả dân tộc.

Một ngày mai, tôi hy vọng sẽ rất gần đây, khi nước non thật sự thanh bình, anh em ta về, nếu có một đài chiến sĩ chung cho tất cả những người đã hy sinh vì Việt Nam, chúng ta sẽ đến đó cầu nguyện. Nếu lăng ông Hồ còn, chúng ta - dù đã chiến đấu trong hàng ngũ nào - cũng NÊN đến đó cầu nguyện, một cách để nói, với nhau và với mai sau, là anh em ta đã quên hết những bài học hận thù. Cùng dựng một trụ đá khiêm tốn trên một mảnh đất nào đó của quê hương, chúng ta sẽ khắc lên đấy: "Hòa hợp mất, dân tộc mất". Nếu chưa ai làm, chúng ta sẽ cùng xây những miếu thờ ở mỗi cửa biển, mỗi đường biên giới, cho những đồng bào đi chui đã chết oan ức, chết tức tưởi dọc đường, cho những bà con đã bỏ mình nơi xứ người trong kiếp sống tha phương cầu an hay cầu thực, để tránh cho họ cái cảnh của "những ma hời sờ soạng dắt nhau đi", mà không biết đi đâu! Ở đâu, anh em ta cũng chỉ cầu nguyện một điều, là người Việt Nam, từ đây, sẽ biết mãi mãi thương yêu nhau.

Phạm Trọng Luật

Vấn đáp về Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc

Phan Phúc Vinh

Hòa giải trước hay Hòa hợp trước ?

Hòa giải là xóa bỏ hận thù do một sự xung đột để lại, Hòa hợp là bắt tay với nhau trong một cố gắng chung. Như vậy hòa giải phải đi trước hòa hợp, cụm từ "hòa giải và hòa hợp dân tộc" hợp lý hơn "hòa hợp hòa giải dân tộc". Đảng cộng sản không phải là đốt khi họ dùng cụm từ "hòa hợp hòa giải". Họ có ý định kêu gọi hãy bắt tay với họ (hòa hợp) trước khi họ làm những hành động cụ thể để hàn gắn những đổ vỡ mà chính họ đã gây ra. Đó là một cái bẫy mà nhiều người đã rơi vào.

Phe nào chủ trương hòa giải và hòa hợp dân tộc?

Lập trường hòa giải và hòa hợp dân tộc là sự gặp gỡ hữu lý và tự nhiên giữa tất cả mọi người Việt quan tâm tới tiền đồ đất nước. Hòa giải và hòa hợp dân tộc không do phe phái nào chủ trương, mà chính do sự kết hợp hữu lý của nhận thức triệt để qui định.

Hòa giải và hòa hợp dân tộc phát sinh từ đâu ?

Hòa giải và hòa hợp dân tộc là sự đòi hỏi có tính qui luật từ một tình trạng mâu thuẫn, suy sụp vào lúc mà những yếu tố tạo ra tình trạng đó không còn đủ sức để duy trì trạng thái bất bình thường đó lâu hơn nữa. Tóm lại hòa giải và hòa hợp dân tộc tự nó là một tất yếu lịch sử.

Dân tộc Việt Nam không thù hận nhau, vậy cần gì hòa giải?

Ngụy biện. Khi một nước đã có nội chiến thì tất nhiên có những đổ vỡ vật chất và tinh thần cần phải hàn gắn. Cách mạng Pháp đã xảy ra 200 năm rồi mà vẫn còn có những người lên án nó một cách gắt gao trong khi nhiều người ủng hộ nó một cách nhiệt liệt. Cuộc chiến tranh nam bắc của Hoa Kỳ vẫn còn chia rẽ nhiều người Mỹ. Thế chiến thứ hai vẫn còn chia rẽ người châu Âu. Đó là những cuộc xung đột đã chấm dứt từ lâu rồi và nhiều chính sách đã được đưa ra để hòa giải. Người Việt Nam đã bắn giết nhau trong gần nửa thế kỷ và chưa có một chính sách hòa giải nào cả cho nên vấn đề vẫn còn nguyên vẹn. Đối với Việt Nam hòa giải dân tộc là vấn đề cần thiết và sẽ vẫn còn là một vấn đề cần thiết trong ít nhất 100 năm nữa!

Cũng đừng quên rằng hòa giải là một yếu tố thường trực của đời sống hàng ngày. Vợ chồng, anh em không thể nào tránh được sự xung khắc và hàng ngày phải hòa giải với nhau nếu không muốn những xung khắc đó làm tan vỡ tình cảm gia đình.

Phe quốc gia bị lừa triền miên, sao lại còn chủ trương hòa giải, hòa hợp?

Trước hết phải định nghĩa rõ "Quốc Gia" là cái gì.

Nếu quốc gia hiểu theo nghĩa hệ thống tư tưởng chính trị, thời hệ thống đó chưa bao giờ bị lương gạt cả. Còn nếu "Quốc gia" là để chỉ một số nhân vật, một số chính quyền cụ thể, thời điều đó không liên quan gì đến việc thực hiện hay không đường lối hòa giải hòa hợp dân tộc.

Quan trọng hơn hết là cần nhận rõ rằng lập luận "bị lừa" là một lập luận tự lừa, biểu hiện sự chạy trốn sự thực lịch sử. Vì lẽ đơn giản: sự sụp đổ của một hệ thống hành chính không phải là hậu quả của một thủ đoạn lừa lọc nào đó, mà chính thực là hậu quả phải có của sự băng hoại được tạo ra từ nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Hơn thế nữa thất bại không bao giờ là hậu quả của sự tráo trở của đối phương cả. Nó chỉ là hậu quả của sự bất lực của chính mình. Về phía quần chúng thăm lạng, nếu coi đường lối hòa giải và hòa hợp dân tộc là đúng và người quốc gia đã là nạn nhân của lập trường đúng đắn này thì cũng phải nói rằng nạn nhân không bao giờ phải chạy trốn khỏi hiện trường cả mà chỉ có kẻ cướp mới phải đào tẩu mà thôi. Nếu quả thực bị lừa vì lập trường hòa giải hòa hợp dân tộc thì lại càng là lý do để đặt lại vấn đề, để đòi lại công lý.

Hòa giải hòa hợp với ai ?

Đã mệnh danh là hòa giải và hòa hợp dân tộc thì hà tất còn phải lý giải hòa giải hòa hợp với ai. Dân tộc là tất cả, kể cả những phần tử tự đứng ra ngoài dân tộc trong một hay nhiều điều kiện khách quan lịch sử nào đó, mà hiện tại đang bị sự chi phối của những điều kiện lịch sử mới để bị bắt buộc phải về với dân tộc. Kẻ thù không đội trời chung của dân tộc chỉ là bọn chủ tâm phản bội dân tộc, và chỉ có bọn này mà thôi.

Hơn nữa, lối đặt vấn đề "hòa giải hòa hợp với ai?" là con đẻ của lối suy tư theo mô thức ta-địch triệt để đã lỗi thời và đang bị loại dần dần ra khỏi phạm trù chính trị.

Câu trả lời dứt khoát là: Hòa giải hòa hợp với tất cả, nghĩa là với **mọi người muốn hòa giải hòa hợp và mọi người không muốn hòa giải hòa hợp**, trong đó những người không muốn hòa giải hòa hợp là đối tượng chính bởi vì đó chính là những phần tử ta phải thuyết phục. Nhận thức này là giá trị chính trị cơ bản, là giá trị xã hội nhân bản tuyệt đỉnh, là giá trị làm lịch sử quan trọng nhất của đường lối hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Đường lối hòa giải và hòa hợp dân tộc không cần được cổ động vì nó là một tất yếu lịch sử có tính cách qui luật trong ưu tư của mọi người Việt có trách nhiệm.

Hơn thế nữa, lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc đã và sẽ đứng trên và ngoài mọi ý định tuyên truyền vì vai trò lịch sử và tạo dựng lịch sử của nó. ***

Không khí kinh tế ngột ngạt

Đoàn Cơ

Sinh hoạt kinh tế Việt Nam ngột ngạt như thời tiết trước khi sắp có một cơn bão. Giá cả ổn định, lương thực dồi dào vì mùa rỗi tương đối trúng và vì diện tích canh tác tăng nhiều trong năm qua, hàng hóa không thiếu. Lần đầu tiên Việt Nam lại có bội xuất ngoại thương. Mới nhìn qua người ta có thể tưởng đây là một phép lạ kinh tế.

Thế nhưng cô dâu quá đẹp! Việt Nam thực ra đang đứng trước ngưỡng cửa của một khủng hoảng rất lớn. Hàng hóa tràn ngập các chợ và các cửa hàng nhưng bữa ăn của các gia đình Việt Nam vẫn như trước hoặc còn đạm bạc hơn. Quần áo, vật dụng có nhiều trên thị trường nhưng vẫn vắng mặt trong các gia đình. Cái gì đang xảy ra là một tình trạng quái gở, hậu quả của một lối quản lý cầu thả, không có chính sách.

Để chặn đứng giá cả, nhà nước cộng sản đã thân nhiên thôi không trả lương công nhân nữa cho rằng như vậy là một biện pháp để giảm bớt khối lượng tiền tệ lưu hành. Giá cả ổn định nhưng cũng có rất nhiều xí nghiệp trong sáu tháng qua công nhân không được trả lương. Thực là một biện pháp khó tưởng tượng nổi.

Hàng hóa tràn ngập vì nhà nước để mặc cho hàng Thái Lan và Trung Quốc tràn vào. Tình trạng xuất siêu ngộ nghĩnh xuất phát từ đó, không ai nhập khẩu chính thức nữa vì hàng ngoại quốc đã có sẵn, đã vượt qua các cửa khẩu một cách bất hợp pháp. Cán cân thương mại chính thức có bội xuất nhưng thực ra cán cân thương mại thực sự còn bị nhập siêu gấp nhiều lần trước đây. Quả là chuyện cười ra nước mắt.

Hai hiện tượng này đưa đến tình trạng mức cầu của hàng nội địa xuống tới gần số không vì dân chúng đã có ít tiền để mua, lại có thể mua hàng nhập cảng lậu vừa rẻ vừa tốt.

Trước hè (Thông Luận 18) đã có 1/3 xí nghiệp ngưng hoạt động. Nay đã có quá 50% xí nghiệp ngưng hoạt động và các xí nghiệp còn lại chỉ hoạt động lai rai cho qua ngày. Nhiều xí nghiệp không có tiền trả lương nhân viên phải lấy sản phẩm trả cho nhân viên. Người ta thấy xuất hiện đầy đường đủ mọi thứ đồ đem bán với giá thật rẻ. Rất khó phân biệt đó là hàng được xí nghiệp phát cho công nhân thay lương hay là đồ ăn cắp trong kho.

Không ai, kể cả các viên chức cao cấp, có thể tiên đoán được tình trạng này sẽ đi về đâu, nhưng ai cũng tin là sẽ có khủng hoảng lớn.

Có người cho như vậy là hay vì các xí nghiệp quốc doanh sẽ lụn bại hết để rồi từ đó sẽ bắt đầu một nền công nghiệp tư lãnh mạnh hơn. Nhưng đó là quá lạc quan. Và sự lạc quan gượng ép này ngày nay đã hoàn toàn tan biến nhường chỗ cho một sự lo âu mới. Trung Ương Đảng, qua bài diễn văn của tổng bí thư Nguyễn Văn Linh đọc ngày 02-09-89, vừa công khai xác nhận khu vực quốc doanh vẫn là và sẽ là nền

tảng của kinh tế Việt Nam. Trên thực tế tất cả mọi người đều nhìn nhận rằng khu vực quốc doanh đã hoàn toàn phá sản. Nói rằng đặt nền tảng của kinh tế Việt Nam trên khu vực quốc doanh chẳng khác gì chủ trương đặt nền móng xây nhà trên một vũng bùn. Thất bại là lẽ dĩ nhiên và tương lai chắc chắn là đen tối.

Tình trạng kỳ quái này sẽ kéo dài đến bao giờ? Nhiều chuyên viên cho là sẽ đến cuối năm, khi các số lượng vàng và đô-la hiện có đã cạn. Nhưng số lượng này khó ước lượng bởi vì nó gồm ba nguồn chính, và cả ba đều không thể thẩm định một cách chính xác.

1. Chính sách cho mang vàng và đô-la tự do vào Việt Nam đã khiến nhiều người từ trước vẫn muốn giúp thân nhân một món tiền lớn để mang vàng vào Việt Nam sau Tết. Mặt khác việc giá vàng ở Việt Nam quá cao trước đây đã làm những tay áp phe chuyển tiền kiều hối mua vàng đem về Việt Nam để kiếm lời. Nguồn này bây giờ đã cạn. Những ai cần giúp thân nhân đều đã làm rồi. Giá vàng hạ xuống đã không còn là mối lợi cho các tay áp phe kiều hối nữa. Nhiều người đã bắt đầu than là lỗ vốn.

2. Một niềm tin là chắc chắn chế độ cộng sản sẽ thay đổi trong chiều hướng dân chủ hóa đã làm nhiều người lạc quan bỏ vàng ra mua và cất nhà, làm giá nhà đã tăng vọt và một số vàng lớn hoặc đã được đào lên từ những chỗ chôn giấu, hoặc được mang vào từ nước ngoài. Đã có rất nhiều người ở nước ngoài mua nhà tại Việt Nam đứng tên mình nhưng cho thân nhân ở và cũng có rất nhiều người đã thu được những món lợi lớn nhờ kinh doanh về nhà cửa. Nhưng giá nhà đã tăng quá mức có thể chấp nhận được. Phong trào mua bán nhà đã khựng lại rõ rệt, nhất là từ khi Trung Ương Đảng bác bỏ một cách cứng rắn chủ nghĩa dân chủ đa nguyên. Sự lạc quan của mùa xuân Sài Gòn đang nhường chỗ cho một sự lo ngại mới. Việc kinh doanh nhà cửa đang trở thành một vụ nuôi chim cú thứ hai. (LTS: năm 1970 người Việt Nam bị gian thương phỉnh gạt đã đổ xô nhau đi mua chim cú với giá rất cao về nuôi nhưng sau đó tất cả những người kinh doanh chim cú đều phá sản).

3. Sau cùng là chính sách xuất khẩu tự do và bữa bãi từ sáu tháng qua cũng đã đem lại một khối ngoại tệ lớn. Theo thống kê của Hà Nội đã được Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế xác nhận, xuất khẩu trong niên khóa 1988 đã vượt mức một tỷ đô-la. Các tàu buôn vào tận các tỉnh mua bất cứ thứ gì có lợi (nông phẩm, kim loại phế thải, tôm...). Hiện nay các chuyến tàu này đang giảm đi vì các tỉnh hết hàng hóa để bán và cũng không còn ngoại tệ để mua.

Tóm lại tất cả các nguồn ngoại tệ đang dần dần cạn đi và hy vọng mở cửa về phương tây cũng tiêu tan sau khi hội nghị về Kampuchia thất bại và sau những bài diễn văn mác-xít giáo điều của đảng cộng sản. Việt Nam sắp có khủng hoảng lớn. Và lần này sự giao động sẽ mạnh gấp bội những biến động đã có trước đây như vụ đầu tư 14-09-85 cách đây 4 năm. Bởi vì lần này đảng cộng sản đã lùi sát chân tường. Họ không còn hy vọng bòn rút được của cải của dân chúng nữa và cũng không thể trông cậy vào đàn anh Liên Xô. Không khí kinh tế ngột ngạt báo hiệu một cơn bão lớn đang tới gần. Hy vọng đây là cơn bão cuối cùng trên một vùng đất đã qua nhiều tang thương.

Chứng nhân lịch sử

Đinh Vĩnh Phúc

Sự thật hiển nhiên lồ lộ dưới con mắt. Thời gian vùn vụt đi qua đến lúc nào đó tù nhân không còn có thể sống trong ảo mộng. Bao lâu còn ở Long Giao, Suối Máu, loanh quanh ở miền Biên Hòa, nghĩa là còn ở miền Nam, họ còn có lý do mong sẽ sớm được về đoàn tụ với gia đình. Kể từ ngày xuống tàu ra Bắc họ mới hiểu là ngày về còn xa xôi, có thể không bao giờ tới. Họ đã bị những lời hứa không đâu huyền hoặc. Thì ra con người khi ở trong thế yếu trở thành ngây thơ như con nít.

Nhờ vào hồi ký của Tạ Ty, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Phạm Quang Giai và nhiều nhân chứng khác, trại tập trung ở Việt Nam không còn là bí mật đối với chúng ta, ít nữa là trong giới hạn tưởng tượng, như hiểu được thế nào là đói khát cùng cực, là cay đắng tan nát trong tâm hồn. Nhưng vẫn còn lại một thắc mắc. Về sự chịu đựng của tù nhân, vấn đề không đặt ra, mọi sự lệ thuộc vào cái nhìn của ta về họ. Thắc mắc chỉ liên hệ đến kẻ chủ động: tại sao người cộng sản hành hạ kẻ bại trận một cách liên tục và dã man như vậy? Tại sao họ theo đuổi chính sách đàn áp rất có hệ thống nhưng rút cuộc thất bại về tâm lý? Họ tìm cách trả thù hay để thỏa mãn tính độc ác trong con người họ?

Theo Soljenitsyn, chân lý không phải là sự trái ngược của ngộ nhận. Nó khác biệt và có cá tính của nó. Dựa vào phân tích đó, ta cũng có thể nói là sự ác không phải chỉ là mặt trái của sự thiện. Nó diễn tiến như một hiện tượng tự lập, muôn hình muôn dạng, với tất cả sức hấp dẫn của vực thẳm. Ở nơi người cộng sản, sự ác được lộ diện trước hết dưới hình thức của gian trá. Diễn hình là luận điệu tuyên truyền về chính sách cải tạo mà họ trình bày như là giải pháp rất đổi nhân đạo và ngắn hạn. Họ khéo léo đến nỗi chính nạn nhân cũng bị nhầm lạc không nhiều thì ít, và họ vẫn giữ giọng điệu lừa lọc trước tù nhân, trước dư luận, trước sau như một, hoàn toàn bất chấp sự kiện khách quan và ý thức của tha nhân.

Tù nhân rút ra kinh nghiệm quý báu: với người cộng sản, ta nên tránh chơi chữ vì lời nói chỉ có nghĩa với một

số thiện tâm tối thiểu là điều họ không có. Ta cũng không nên để từ ngữ cộng sản ảnh hưởng hay bận rộn trí óc ta. Từ ngữ và sự vật là hai thế giới riêng biệt không có dính dáng gì với nhau trong vũ trụ quan cộng sản. Giữa thái độ bên ngoài và niềm tin bên trong cũng có sự cách biệt đương nhiên như vậy. Khi thứ triết lý đó đã thấm nhuần vào đời sống thì không còn gì để ta ngỡ ngàng. Người ta có thể dấy dựa chết mà vẫn ca ngợi xã hội chủ nghĩa; có thể hướng về ánh sáng huy hoàng của Đảng giữa ngục tù đen thẫm, có thể không ngừng nói đến vĩ đại trong cả cuộc sống ti tiện.

Trại cải tạo không thay đổi được lập trường của tù nhân. Tất cả chỉ là một hài kịch trong cách cư xử, xưng hô. Qua bao thử thách, giữa người với người vẫn tồn tại liên hệ chân thật. Rất nhiều văn sĩ đã biết mùi nhà tù và đã tìm ở đó nguồn hứng cảm mới. Họ đã quên những dằn vặt thể xác để chỉ giữ lại cái tâm sự chung của dân tộc mà họ là những tiếng nói. Một dân tộc trong trại học tập khổng lồ. Về mặt văn hóa thì đó quả là thực tại hiển nhiên. Hơn ai hết người viết văn phải chịu đựng sức đè nén của chế độ. Cả nền văn học tự do bị đè bẹp để nhường chỗ cho hàng ngũ văn công tung hoành như những buổi lên lớp của trại cải tạo. Lại những bài lý luận văn học, sử học nhồi sọ rất quen thuộc, tiếp tục truyền bá gian trá qua từ ngữ. Nhưng kinh nghiệm nhà tù giúp văn sĩ tự do biết chịu đựng. Họ lẳng lặng, tỉnh bơ, và chờ đợi.

Văn hoa Việt Nam đã bị tịch thu nhân danh quyền độc tôn chủ nghĩa. Từng năm nọ sang năm kia vẫn một hiệu lệnh bất di dịch: thể hiện con người mới trong văn chương và nghệ thuật. Văn chương trở thành dụng cụ tuyên truyền phục vụ chính quyền. Tiểu thuyết không nói lên khát vọng giải thoát của con người làm than mà để ru ngủ con người bằng những hình ảnh gian trá. Ôi còn thân phận nào nhục nhã hơn cái kiếp của văn công! Một ngày nào đó thời vận sẽ đổi thay, nhưng cái nhục đó không bao giờ có thể rửa được.

Trại học tập không phải là đề tài văn chương chính thức. Hơn nữa người ta hy vọng với thời gian nó sẽ bị lãng quên. Nhưng đó chỉ là một ảo vọng. Chính quyền nào cũng nhằm lẫn của mình. Khi bắt giam văn sĩ, chính quyền cộng sản đã thiếu sáng suốt. Mỗi tù nhân trong làng văn có thể là một nhân chứng lịch sử. Một Nguyễn Chí Thiện cũng đủ lật đổ cả cái thành trì xây trên cát của nền văn học xã hội chủ nghĩa. Tinh thần muốn thổi đi đâu cũng được, và không phải cái bóng ma của Hồ Chí Minh có thể kìm hãm nó. ***

Đồng loạt bài bác chủ nghĩa đa nguyên

Bài diễn văn của Nguyễn Văn Linh nhân dịp kỷ niệm cách mạng tháng 8 và quốc khánh 2-9 đánh dấu một khúc quanh chiến lược quan trọng của đảng cộng sản Việt Nam.

Dùng lại một ngôn ngữ mà người ta tưởng đâu đã biến mất, ông Linh hết lời ca tụng "tính ưu việt" của chủ nghĩa xã hội, của tư tưởng Mác Lênin. Ông bày tỏ sự ngưỡng mộ với những chế độ cộng sản tồi tệ, nhất là với Fidel Castro. Lần đầu tiên sau nhiều năm ve vãn Mỹ (đến nỗi sửa cả hiến pháp để xóa bỏ những khẩu hiệu chống Mỹ cứu nước) ông Linh công khai đả kích đích danh Mỹ mà ông cho là đang đánh phá một cách thâm độc để làm sụp đổ chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới. Ông Linh cũng bài xích, mặc dầu không nêu đích danh, đường lối cởi mở thực sự của hai đảng cộng sản Ba Lan và Hung.

Tuy không nói thẳng ra là phải chấm dứt chính sách đổi mới, ông Linh cho rằng đây là một việc không làm được vì (nguyên văn lời ông) "điều phức tạp là trong quá trình đổi mới xuất hiện vô số lực lượng đối lập đủ mọi màu sắc lợi dụng dân chủ hóa và công khai hóa để đục nước béo cò".

Điều làm ông Linh lo ngại nhất là chủ nghĩa đa nguyên đang được người Việt Nam trong nước cũng như ngoài nước tán thành. Ông Linh đã dùng nhiều đoạn trong bài diễn văn trên mà ông coi là một "sách lược và chiến lược hiểm độc". Ông Linh nói một cách gay gắt: "chúng ta không bao giờ cho phép bất cứ lực lượng nào thành lập các đảng đối lập" rồi ông huênh hoang tuyên bố "nền dân chủ Mác Lênin hay gấp triệu lần nền dân chủ tư bản". Ông Linh cũng minh định rằng đảng cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục lấy chuyên chính vô sản và kinh tế quốc doanh làm nền tảng cho

chế độ, còn các hoạt động tư doanh không thể nào phát triển giống hệt như ở các nước tây phương được. Ông chấm dứt bài diễn văn này, mà lời lẽ nhiều chỗ rất hạ cấp, bằng cách hô những khẩu hiệu đặc trưng của chủ nghĩa Mác Lênin vô địch, của đảng cộng sản Việt Nam, chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi... Người ta có cảm tưởng sống lại những ngày đầu tiên ngay sau ngày 30-4 khi quân cộng sản tràn vào Sài Gòn và say men chiến thắng. Nhưng ngày nay ly rượu này đã hóa ra dấm chua sau 14 năm cai trị bất lực và tham ô. Chẳng ai có thể uống được nữa. Cái huênh hoang của ông Linh vừa gượng gạo vừa khôi hài. Ông Linh bắt đầu bài xích chủ nghĩa đa nguyên từ sau đại hội lần thứ sáu của ban chấp hành trung ương đảng ngày 29-3 năm nay. Hai tháng sau, ông Trần Trọng Tân, trưởng ban văn hóa và tư tưởng trung ương đảng cũng viết một bài mà trình độ rất kém đả phá chủ nghĩa đa nguyên. Sau đó nhiều bài báo, hòa theo lập trường chính thức, cũng bài xích chủ nghĩa đa nguyên mà không đưa ra lập luận nào cả. Trong Tạp Chí Cộng Sản số tháng 7-1989 ông Hà Xuân Trường, người được coi như là lý thuyết gia nòng cốt của đảng cộng sản Việt Nam đã dành bài xã luận để nói về chủ nghĩa đa nguyên. Ông Trường tỏ ra có lớp lang hơn và nhìn nhận một số ưu điểm của chủ nghĩa này. Điều đáng ngạc nhiên là ông Trường vẫn thường được coi là thành phần giáo điều.

Một điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là giữa lúc nhà nước cộng sản mở chiến dịch đánh vào chủ nghĩa đa nguyên thì thỉnh thoảng người ta lại được đọc những bài báo rất lạ. Thí dụ như tờ Sài Gòn Giải Phóng số ra ngày 14-7-89 có bài bình luận nhân dịp kỷ niệm 200 năm cách mạng Pháp trong đó tác giả viết "Ý nghĩa to lớn, giá trị bao trùm của cách mạng Pháp chính là ở chỗ nó khẳng định thắng lợi

hoàn toàn của phương thức sản xuất tư sản chủ nghĩa trên toàn thế giới". Tác giả bài báo này phải hoặc là có bùa hoặc là có gông.

Hà Nội rút quân

Trước ống kính các đài truyền hình quốc tế, Hà Nội đã rầm rộ tổ chức cuộc triệt thoái khỏi Cam Bốt, chấm dứt hơn 10 năm chiếm đóng trái phép nước này. Từ ngày 21 đến ngày 26-9-89, có 26.000 quân được chính thức rút về Việt Nam, và trên nguyên tắc, sáng ngày 27-9, không còn một bộ đội Việt Nam nào trên xứ Chùa Tháp.

Vì sự thất bại hoàn toàn của hội nghị Paris hồi tháng 8 vừa qua, cuộc triệt thoái đã được tiến hành không có giám sát quốc tế. Tuy vậy Hà Nội cũng rảng cho thế giới thấy thiện chí của họ bằng cách mời rộng rãi các phương tiện truyền thông tây phương đến chứng kiến những buổi lễ được tổ chức từ các địa điểm xa xôi nhất trong tỉnh Battambang gần biên giới Thái Lan đến địa điểm biên giới Việt Nam.

Chiến tranh đã gia tăng trên lãnh thổ Cam Bốt trong hai tháng vừa qua. Phe Khmer đỏ đã không chờ bộ đội Việt Nam rút, họ đã gia tăng hoạt động quân sự ngay từ tháng 7 trước khi có hòa đàm Paris, theo chính sách cố hữu vừa đánh vừa đàm. Trong khi Hà Nội triệt thoái quân, phe Khmer đỏ tấn công vào thị trấn Pailin, cách biên giới Thái 20 cây số, nhằm chiếm cứ một tỉnh làm đất cắm dùi để họ có danh nghĩa là một chính phủ có đất có dân, tăng trọng lượng của họ trong các cuộc hòa đàm sắp tới. Thật vậy, tuy hội nghị Paris tan vỡ, nhưng mới đây thủ tướng Thái Lan loan báo bốn phe Cam-Bốt đã thỏa thuận sẽ gặp lại nhau quanh bàn hội nghị một ngày gần đây.

Cũng nên nhắc lại quân cộng sản Việt Nam đã đánh qua biên giới Cam Bốt vào ngày lễ Giáng Sinh năm 1978, và chiếm đóng

thủ đô Phnom Penh ngày 7-1-79, đánh đổ chế độ tàn bạo của Khmer đỏ để thay thế bằng một chính quyền do Hà Nội dựng lên. Theo những con số chính thức, cuộc chiếm đóng lãnh thổ Khmer trên 10 năm đã làm thiệt mạng 25.300 bộ đội và trên 55.000 bị thương. Hà Nội cũng đã đưa một số dân sang sinh sống, con số chính xác không thể biết là bao nhiêu.

Đây là một vấn đề quan trọng trong tương lai quan hệ giữa hai nước. Trong những năm 60 đã có nửa triệu người Việt làm ăn sinh sống ở Cam-Bốt. Năm 1970, cuộc đảo chính đánh đổ Sihanouk đã kèm theo cánh "cấp duồn" người Việt, và một số lớn đã chạy về Việt Nam. Hiện nay chính phủ Hun Sen cho biết chỉ còn 90.000 người Việt ở Cam-Bốt. Con số của phương tây đưa ra thay đổi từ hai trăm ngàn đến một triệu người. Từ một tháng nay, đã có nhiều người bỏ trốn về Việt Nam vì sợ cảnh "cấp duồn" tái diễn. Đồng bào tỉnh An Giang gần đây đã vớt được xác nhiều người Việt trôi trên sông Cửu Long.

Hà Nội đã một lần nữa chứng tỏ tinh thần vô trách nhiệm của mình trong việc đem con đi bỏ chợ.

Mật lệnh của Hà Nội về đầu tư

Trong mọi quan hệ kinh tế, điều cần nhất là sự thành tín. Phải nói thực và phải giữ lời nếu muốn tìm được người hợp tác. Chính quyền Hà Nội vừa chứng tỏ họ vẫn chưa hiểu chân lý vô lòng đó. Một thông tư mật mang số 81/HTDT-VP đề ngày 30-6-1989 đã được gửi các bộ và các cán bộ cao cấp nhà nước để qui định ngầm việc quản lý đầu tư. Các cơ quan tiếp nhận được chỉ thị không được phổ biến cho người nước ngoài nội dung văn thư này. Theo văn thư thì:

1. Đối tượng Việt Nam đứng ra hợp tác với nước ngoài phải là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân (xí nghiệp, công

ty, hợp tác xã...) chứ không thể là một thể nhân. Trong luật đầu tư, ban hành ngày 29-12-1987, chỉ thấy nói một cách sơ sài là các tư nhân Việt Nam có thể hợp tác với các pháp nhân Việt Nam để hợp thành cái mà luật này gọi là "bên Việt Nam".

2. Đối tượng Việt Nam này, mà thông tư gọi là chủ đầu tư Việt Nam, phải thường xuyên báo cáo về công việc làm ăn với nước ngoài cho một cơ quan nhà nước, được gọi trong thông tư bằng một cái tên vừa dài vừa ngây ngô là "cơ quan quản lý Nhà Nước trực tiếp chủ đầu tư", và gọi tắt là "chủ quản đầu tư".

3. Chủ quản đầu tư có thể là một bộ, một ủy ban nhà nước, một ủy ban nhân dân địa phương... được chỉ định không dựa theo một tiêu chuẩn rõ rệt nào hết. Cơ quan này sẽ không chỉ thị trực tiếp nhưng sẽ giết dây qua trung gian chủ đầu tư Việt Nam mà chủ quản đầu tư trực tiếp điều khiển.

Chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục lối làm ăn gian trá và ấu trĩ. Thông tư này trước hết gây một trở ngại rất lớn cho việc xúc tiến các công trình đầu tư. Thí dụ như một công trình đầu tư có nhiều hứa hẹn chắc chắn sẽ bị các bộ, các ủy ban nhân dân... tranh nhau làm chủ quản. Sự tranh chấp có thể kéo dài và khi ngã ngũ thì được lòng một người mất lòng mười người khác mà làm ăn được.

Thông tư này cũng hạ giá "bên Việt Nam" xuống địa vị của một người chỉ điểm báo cáo hành tung của những người ngoại quốc hợp tác với mình cho chính quyền.

Trong hoàn cảnh hiện thời thông tư này, ngoài ý gian của nó còn là một sự vụng về, vì chính quyền phải đoán được rằng nó sẽ đến tay những công ty nước ngoài đã hoặc đang định đầu tư tại Việt Nam, và chắc chắn là họ sẽ hết sức bất bình. Bản sao của thông tư "mật" này đã được một đại diện của một công ty ngoại quốc đang định đầu tư vào Việt Nam trao

cho Thông Luận, với một cái lắc đầu và một nụ cười khó hiểu.

Khi Võ Văn Kiệt nói về đầu tư

Cơ quan trách nhiệm tối cao của chính quyền cộng sản Việt Nam về đầu tư là Ủy Ban Nhà Nước Về Hợp Tác Và Đầu Tư. Ủy ban này do ông Đậu Ngọc Xuân làm chủ nhiệm và ông Võ Đông Giang làm phó chủ nhiệm. Ông Xuân chuyên lo về các vấn đề kinh tế từ lâu và mới được đề ý tới từ ngày có chính sách kêu gọi đầu tư nước ngoài. Nhưng ông Võ Đông Giang là một nhân vật rất khác. Ông hoàn toàn xa lạ với hoạt động kinh tế. Trước năm 1975 ông được biết tới như một đại tá quân đội cộng sản và làm trưởng phái đoàn cộng sản trong ủy ban hai bên tại trại David. Thực ra ông Giang không bao giờ ở trong quân đội cả. Ông được gắn quân hàm đại tá để có tư cách điều khiển phái đoàn của cái gọi là "Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam" mà thôi. Theo những cựu cán bộ cộng sản hiện lưu vong tại Âu Châu, ông Giang xuất thân từ ngành tình báo và là một trong những nhân vật chính chịu trách nhiệm về tình báo quốc tế. Sau 1975 ông được phong chức thứ trưởng bộ ngoại giao. Việc ông làm phó chủ tịch ủy ban HTĐT, với uy quyền còn lớn hơn ông Đậu Ngọc Xuân, vẫn theo những người nói trên, chứng tỏ rằng ưu tư đầu tiên của chính quyền cộng sản là đề phòng gián điệp nước ngoài xâm nhập với tư cách doanh nhân.

Nhưng không phải ưu tư của chính quyền cộng sản dừng lại ở đó. Thực ra người đứng đầu và giám sát các hoạt động đầu tư là Võ Văn Kiệt, phó thủ tướng thứ nhất. Ông Kiệt xuất thân là một công an. Năm 1975 ông là giám đốc sở công an Sài Gòn rồi được lên làm bí thư thành ủy. Hiện nay ông Kiệt vẫn còn uy tín và

ảnh hưởng trong công an. Chính ông Kiệt vẫn còn tự coi mình là một thủ lĩnh công an. Trái hẳn với những gì báo chí tây phương nói về ông, Võ Văn Kiệt là một con người rất giáo điều và cũng rất hung bạo. Ông Kiệt đã từng phát biểu quan niệm của ông về quản lý con người như sau: "Phải quản lý tại nơi cư trú, quản lý tại chỗ làm việc và quản lý trên đường đi từ nơi cư trú đến chỗ làm việc". Mới đây trong buổi họp của các cán bộ trách nhiệm về đầu tư để tổng kết thành tích 18 tháng thực hiện luật đầu tư ông Kiệt đã tỏ ra rằng cái nhìn của ông về đầu tư là cái nhìn của một công an, một chuyên viên khủng bố. Ông Kiệt nói như sau: "Nói như một số đồng chí trong bộ nội vụ rằng hễ biết đối tượng nào là gián điệp chỉ cần theo dõi khi tới Việt Nam là không được". Tất cả mọi người đều hiểu rằng ông Kiệt muốn thế nào là biện pháp mạnh? Nhà cầm quyền cộng sản không thể từ chối những người xin tới Việt Nam để đầu tư ngay cả với những người họ nghi là gián điệp, vì như thế họ sẽ gây hoang mang và có thể bị tố cáo là không cởi mở. Các tòa đại sứ đều được lệnh phải cấp chiếu khán cho mọi người muốn vào Việt Nam để đầu tư. Như vậy những người bị nghi là gián điệp vẫn được vào Việt Nam. Một khi họ đã ở Việt Nam rồi, ông Kiệt ra lệnh rằng theo dõi không được. Vậy thì chính quyền cộng sản sẽ đối xử với họ như thế nào? Người ta có lý do để lo ngại vì Võ Văn Kiệt là một chuyên viên khủng bố và ám sát. Chính quyền cộng sản dựa vào một số ăng ten ở nước ngoài để đánh giá người này người nọ là gián điệp. Cái gì bảo đảm rằng những báo cáo này là đúng sự thực? Làm sao một nhà kinh doanh có thể yên tâm vào Việt Nam nếu họ có thể bị mất mạng vì một báo cáo tầm bậy? Cũng may cho tới nay chưa thấy có vụ án mạng nào xảy ra.

Thành tích đáng buồn của luật đầu tư

Gần hai năm sau ngày ban hành luật đầu tư, người ta có thể kết luận là chính quyền cộng sản đã không lôi kéo được tư bản nước ngoài như họ mong muốn. Ngay khi luật này ra đời các chuyên gia đã khẳng định là nó sẽ thất bại bởi vì nội dung của chính nó không nghiêm túc và bối cảnh kinh tế Việt Nam không thuận lợi (xem bài Lê Văn Đăng, Thông Luận số 4). Chính quyền cộng sản sau đó cũng nhận ra những sơ hở và đã cố gắng sửa chữa bằng một loạt các văn kiện bổ túc. Hiện đã có 16 pháp lệnh, nghị định, thông tư, quyết định, điều lệ v.v... và còn sắp ban hành thêm 8 văn kiện nữa. Tất cả các văn kiện này đều có một điểm chung là cho thấy tham vọng bất cá hai tay của nhà nước cộng sản: muốn thu hút đầu tư nhưng lại không sẵn sàng trả cái giá cần thiết. Từ chỗ không có văn tự gì cả chính quyền cộng sản đã đi thẳng tới chỗ có quá nhiều văn kiện mà không kinh qua giai đoạn có vừa đủ văn kiện. Tuy nhiên văn kiện căn bản không có không được nghĩa là luật kinh doanh lại cũng vẫn chưa có.

Đầu tư vào Việt Nam quả nhiên là có sức hấp dẫn. Trong vòng 18 tháng từ ngày ban hành luật đầu tư tới tháng 6-1989 trung bình mỗi ngày có bốn phái đoàn tới Việt Nam để thẩm định tình hình, nhưng rồi tất cả đều thờ dài ra đi. Chỉ mới có 63 dự án được thỏa thuận và 27 hợp đồng khởi sự hoạt động, tất cả đều nhỏ, chỉ có một dự án có số vốn cao hơn 10 triệu đô la Mỹ, đại đa số ở dưới mức một triệu đô la. Chưa có một hợp đồng nào có thể coi là hoạt động bình thường. Tổng số vốn đầu tư của 27 dự án được ký kết là 45.710.000 US\$.

Riêng tại Sài Gòn có 19 công ty được cấp giấy phép đầu tư với tổng số vốn pháp định là 27.515.000 US\$ và với thành

phần như sau: 2 về cơ khí, 3 về may mặc, 1 về khách sạn, 2 về đồ nhựa, 2 bột cá, 1 trang sức, 1 phương tiện giao thông, 1 máy vi tính, 1 da, 1 dệt, 1 điện tử, 1 gia vị, 1 giấy. Trong số này đã có hai công ty bị rút giấy phép và hai công ty tự ý bỏ cuộc. Nói chung kết quả của 18 tháng vận động đầu tư quả là quá nghèo nàn.

Hy vọng cứu vãn chính sách đầu tư của chính quyền cộng sản Việt Nam cuối cùng là Đài Loan, mà cho tới một ngày gần đây đảng cộng sản Việt Nam vẫn gọi là "bọn phản động Quốc Dân Đảng Trung Hoa". Mười hai công ty Đài Loan sắp được cấp giấy phép đầu tư với tổng số vốn chưa được rõ nhưng cao hơn rất nhiều tổng số vốn của tất cả các dự án đầu tư từ trước tới nay.

Các công ty nước ngoài còn ngần ngại đầu tư vào Việt Nam vì nhiều lý do: hạ tầng cơ sở quá kém, luật pháp vừa thiếu vừa phức tạp vừa mâu thuẫn với nhau, thủ tục rườm rà, các cơ quan trách nhiệm làm việc một cách quan liêu bần giấy, cán bộ dốt nát v.v.. Nhưng có hai lý do chính:

Một là nhà nước cộng sản Việt Nam đặt quá nặng vấn đề an ninh và kiểm soát. Mỗi công ty có vốn ngoại quốc đều bị một cơ quan chủ quản theo dõi kiểm soát. Đây là một phát minh rất kỳ cục của chính quyền cộng sản mà không một công ty phương tây nào có thể chấp nhận được.

Hai là họ không tin ở ý chí dân chủ hóa thực sự của đảng cộng sản và vì vậy không tiền liệu được tương lai của Việt Nam sẽ ra sao. Điều này chính ông Võ Thành Công, phó chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Sài Gòn chuyên trách về đầu tư cũng ý thức được. Trong một bản báo cáo ông Công đưa lý do về sự lưỡng lự của công ty nước ngoài như sau: "công việc đổi mới của đất nước mới bắt đầu". Ý ông Công muốn nói là tiến trình dân chủ hóa chưa được bảo đảm.

Tô chức đối lập với Đảng Cộng Sản Trung Quốc ra đời

Biến cố Mùa Xuân Bắc Kinh, sau những hậu quả ngoại giao và kinh tế, đã đưa đến sự thành lập tổ chức chính trị đầu tiên đối lập với Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Ngày 23-9-89, tại Evry phụ cận phía Nam Paris, đã tiến hành cuộc bầu ban chấp hành của "Hiệp Hội Vì Dân Chủ Tại Trung Quốc" (Fédération pour la Démocratie en Chine), được các phương tiện truyền thông của Pháp đặc biệt chú ý.

Hiệp hội đặt trụ sở tại Paris, và chủ trương "chống lại mọi độc tài đảng trị, tranh đấu cho nhân quyền, hòa bình, và một nền kinh tế thị trường". Hiệp hội cũng khẳng định tranh đấu bằng đường lối bất bạo động.

Những người lãnh đạo tổ chức này thuộc thành phần tị nạn đã trốn ra khỏi Trung Quốc sau cuộc đàn áp đẫm máu tại Thiên An Môn đầu tháng 6 vừa qua. Có người đã từng ở trong guồng máy đảng và nhà nước Trung Quốc, đã có chủ trương phân biệt rõ ràng quyền hạn của Đảng và quyền hạn của nhà nước, chủ trương bãi bỏ dần dần sở hữu tập thể, và chủ trương một nhà nước pháp trị. Họ đã nuôi ảo tưởng có thể thay đổi cơ cấu đảng từ bên trong để tiến hành cải tổ về chính trị, nhưng sau 10 năm họ đành phải nhìn nhận là cần một lực lượng chính trị đối lập mới có thể tranh đấu cho dân chủ, theo gương của công đoàn Solidarnosc tại Ba Lan.

Chủ tịch Hiệp Hội là ông Yan Jiaqi 47 tuổi, cựu giám đốc Viện Nghiên Cứu Chính Trị và cố vấn của ông Triệu Tử Dương, nguyên tổng bí thư đảng mới bị hạ bệ vì biến cố Thiên An Môn. Những người khác trong ban chấp hành gồm có:

- một lãnh tụ sinh viên, một trong ba tên tuổi nổi bật nhất trong cuộc tranh đấu cho dân chủ tại Thiên An Môn, hiện tị nạn tại Hoa Kỳ và theo học đại

học Harvard

- một cựu chủ hãng điện toán, một trong những cơ sở làm ăn tư nhân thành công nhất ở Trung Quốc trước đây

- cựu giám đốc Viện Cải Tổ Kinh Tế, cũng là cộng sự viên thân tín của Triệu Tử Dương

- một nhà văn và nhà báo truyền hình nổi tiếng ở Bắc Kinh

- cựu giám đốc Viện Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác-Lênin, đã là tác giả một luận thuyết được Đặng Tiểu Bình dùng làm căn bản cho chính sách cải tổ kinh tế của ông trước đây.

Hiệp Hội cho biết họ được sự ủng hộ của 60 triệu người Hoa rải rác trên thế giới. Sự ủng hộ này đã thể hiện bằng sự đóng góp hàng triệu đô-lar cho tổ chức này trong thời gian gần đây.

Sự ra đời của tổ chức này trên lãnh thổ Pháp đã có tiếng vang lớn và làm cho nhà cầm quyền Bắc Kinh phải e ngại. Họ đã nhanh chóng phản ứng bằng cách gọi đại sứ Pháp tại Bắc Kinh đến để "kịch liệt phản đối chính phủ Pháp đã duy trì những phần tử phạm pháp đang bị Trung Quốc truy lùng và đòi hỏi Pháp phải chấm dứt các hành động xen vào nội bộ của Trung Quốc, đồng thời cấm túc khắc mọi sinh hoạt của tổ chức này trên lãnh thổ Pháp". Bộ ngoại giao Pháp cũng đã nhanh chóng trả lời những lời cáo buộc trên đây: Pháp là đất tạm dung của người tị nạn theo một truyền thống lâu đời và Pháp không thấy có lý do gì để cấm những người này hoạt động trong phạm vi của luật pháp.

Việc ra đời của Hiệp Hội Vì Dân Chủ Tại Trung Quốc là một thắng lợi lớn của những người chủ trương dân chủ đa nguyên.

Chính phủ tự do đầu tiên trong khối cộng sản

Chính phủ Tadeusz Mazowiecki đã được quốc hội Ba Lan tín nhiệm với 402 phiếu thuận, 13 phiếu trắng và 0 phiếu

chống. Chính phủ được sự ủng hộ của tất cả các đảng phái có đại biểu trong Quốc Hội: Đảng Công Nhân Thống Nhất Ba Lan (tức cộng sản), phong trào Solidarnosc và các đảng ngoại vi của đảng cộng sản là Đảng Dân Chủ và Đảng Nông Dân. Phong trào Solidarnosc nắm các bộ về kinh tế và ngoại giao, đảng cộng sản các bộ về quốc phòng và nội vụ.

Chính phủ Mazowiecki phải đương đầu với các khó khăn sau

- Một nền kinh tế lụn bại (lạm phát 45%, 40% dân chúng sống dưới mức tối thiểu). Ba Lan đã yêu cầu các nước tây phương giảm tiền lời các số nợ đã vay và mong có một chương trình viện trợ kinh tế kiểu kế hoạch Marshall. Những yêu cầu này đang được thế giới tây phương nghiên cứu.

- Phản ứng của tổng thống Jaruzelski: ông này không chấp nhận vai trò "cắt băng khánh thành". Ông Jaruzelski đã cải tổ sâu rộng guồng máy quân sự và đã cắt nhắc khoảng 400 nhân vật thân cận vào những vai trò then chốt.

- Sự chống đối ngấm ngấm của đảng cộng sản. Đây là một tổ chức có quy củ nhất tại Ba Lan, có kinh nghiệm lãnh đạo và đã có nhiều nhân sự nắm giữ những chức vụ then chốt trong chính quyền.

- Sự chống đối của giáo hội Ba Lan, tuy rằng Mazowiecki là một trí thức công giáo: như vụ đòi tu viện dòng nữ tu Carmel ra khỏi khu vực Auschwitz (trại tập trung nổi tiếng thời Đức Quốc Xã) và lên án chủ trương phá thai.

- Sự lệ thuộc vào uy tín của lãnh tụ Lech Walesa.

Đầu sao, đây cũng là một thắng lợi vô cùng to lớn của đường lối chính trị đa nguyên tại Ba Lan nói riêng và tại các nước cộng sản nói chung.

Đông Đức và Tây Đức thống nhất ?

Nước Hungari đã mở cửa biên

giới cho phép hàng ngàn dân Đông Đức chạy qua Tây Đức.

Đây là một hành động đầy can đảm của chính quyền Hungari, mặc dầu đã bị Liên Xô phản đối mãnh liệt, điển hình là việc lãnh tụ bảo thủ Ligachev qua Đông Bá Linh khuyến cáo. Hành động này có thể đưa đến hậu quả là sự tan vỡ của khối phòng thủ Varsovie, và trong một tương lai xa, sự thống nhất của nước Đức. Tây Đức đã tức khắc cấp viện trợ thương mại cho Hungari.

Chính phủ Tây Đức, khi đón nhận những người tị nạn này, đã chứng tỏ cho thế giới thấy sự tồi dở của chế độ Đông Đức trong việc giải quyết những mối lo âu về tương lai của nhân dân Đông Đức. Hiện nay Đông Đức đang sản xuất những chuyên viên kỹ thuật trung cấp mà Tây Đức đang thiếu mà không phải trả chi phí đào tạo.

Những sự kiện này cho thấy rõ các nước tây phương chỉ giúp đỡ các nước cộng sản chọn con đường dân chủ đa nguyên làm con đường tương lai.

Chiến tranh hay hòa bình

Theo tin báo Les Nouvelles de Moscou ngày 16-8-89, Liên Xô sẽ giảm khoảng 20% sản lượng khí cụ chiến tranh; tổng sản lượng kỹ nghệ dân sự sẽ được tăng lên 60% vào năm 1992 (hiện nay chỉ 40%). Người ta đặt nhiều câu hỏi về giá trị kinh tế thực sự của các con số này và những hệ lụy ảnh hưởng đến nền kinh tế của Liên Xô nói chung. Các chuyên viên đang đi đầu để thiết lập các chương trình cải hối (reconversion) từ kỹ nghệ chiến tranh sang kỹ nghệ dân sự. Kết quả dự đoán rất là mơ hồ vì cho đến nay chưa có một con số thống kê nào mô tả rõ ràng. Giảm 20% sản lượng chiến tranh nói thì dễ nhưng làm rất khó. Trong kỹ nghệ chiến tranh người ta có thể không chú ý tới các chi phí tiêu dùng vì đó

là kỹ nghệ của quốc gia, nhưng trong sản xuất kỹ nghệ dân sự vấn đề chi phí sản xuất rất quan trọng. Một nguyên tác sơ đẳng mà các chuyên viên Liên Xô cũng như các chuyên viên kinh tế cộng sản cần phải học đi học lại: chi phí tối thiểu hiệu quả tối đa. Thói quen làm việc của công nhân Liên Xô hiện nay không cho phép người ta lạc quan về vấn đề hiệu năng kinh tế.

Trong chiều hướng muốn phát triển ngoại thương, Liên Xô đang vận động xin gia nhập vào tổ chức GATT. Đó là đề tài chính trong cuộc gặp gỡ giữa hai ngoại trưởng Baker (Hoa Kỳ) và Shevardnadze (Liên xô) tại Wyoming trong tháng 9 vừa qua. Mỹ từ trước đến nay vẫn chống việc Liên Xô xin gia nhập tổ chức này, viện cớ rằng Liên Xô chưa có nền tảng của một nền kinh tế tự do. Tuy nhiên theo tờ New York Times, Bộ ngoại giao Mỹ mong muốn dành cho Liên xô một ghế quan sát viên trong tổ chức này.

Trong khi đó tại Mạc tư khoa, Gorbachev tuyên bố là sẽ đề nghị vào khóa họp tới của Hội đồng Đại biểu Nhân dân nhiều đổi mới trong chương trình trong sạch hóa nền kinh tế Liên Xô. Ông còn cho biết những biện pháp sẽ đi đôi với những đạo luật mới về quyền tư hữu, quyền làm chủ ruộng đất, và quyền thuê mướn lâu dài ruộng đất. Ông cũng nói thêm là nhân dân Liên Xô sẽ phải thắt lưng buộc bụng trong những ngày sắp tới.

Hãng Nord France xây cất tại Sài Gòn

Hãng Nord France, chi nhánh của nhóm Pelege, chuyên về xây cất nhà cửa và cầu đường của Pháp, đã ký kết một hợp đồng trị giá một tỷ quan pháp để xây cất nhà máy, văn phòng và nhà ở tại Sài Gòn. Vấn đề khó khăn chính được đặt ra là sự tài trợ vốn (financement) cho chương trình này vì chính phủ Việt nam không có tiền dài thọ,

và cũng không đủ uy tín để vay các chính phủ hoặc ngân hàng tây phương trước khi được Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế chấp nhận bảo lãnh. Hơn nữa chính phủ Pháp chưa có một chương trình cho vay hoặc tài trợ nào rõ ràng cho Việt Nam vì vẫn còn chờ kết quả của lời cam kết rút quân khỏi Cam-Bốt của Việt Nam vào cuối tháng 9-1989.

Ngân Hàng Ngoại Thương Pháp (BFCE) đầu tháng 9 đã được Hà Nội giao quyền thương thuyết một khoản tài trợ tạm thời (crédit relais, bridge loan) hơn một tỷ francs trong khi chờ đợi Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế chấp thuận tài trợ lại cho Việt Nam.

Thảm trạng thuyền nhân tiếp tục

Như dự đoán, quyết định phân biệt hai thành phần tị nạn chính trị và di dân kinh tế cũng như chính sách thanh lọc thuyền nhân do hội nghị Genève đề xướng đầu tháng 6 vừa qua, không những đã không giải quyết được vấn đề tị nạn Đông Nam Á mà còn có vẻ làm cho nó trầm trọng thêm.

Tháng 7-89, một chiếc thuyền chở 79 người Việt tị nạn dạt vào bờ biển Nam Triều Tiên nhưng đã bị chính quyền bản xứ ra lệnh đẩy ra khơi. Các thuyền nhân đã nổi lửa đốt thuyền để được vớt. Nhà chức trách địa phương bèn tạm giam tất cả các thuyền nhân trong khi chờ đợi thuyền được sửa chữa. Ngày 21-7-89, Trung Tâm Tác Vụ Đông dương (IRAC) đã nhờ Đại sứ Tong Jin Pak chuyển khẩn lên Tổng thống Roh Tae Woo một lá thư can thiệp cho những đồng bào kém may mắn này. Ngày 21-8-89, ông Tae Ik Chung, cố vấn chính trị tòa Đại sứ Nam Triều Tiên tại Mỹ, đã tin cho IRAC biết là những đồng bào này được quyền tị nạn.

Trong tháng 8 đã phát hiện hai vụ giết thuyền nhân với một mức độ dã man chưa từng thấy. Vụ thứ nhất xảy ra ngày 17-6-

89, 150 người bị giết, 13 phụ nữ bị bắt trong vòng một tuần lễ để bọn hải tặc Thái thỏa mãn thú tính trước khi vút họ xuống biển. Một phụ nữ may mắn được những người đánh cá Thái lương thiện cứu vớt, nên thế giới mới biết đến chuyện này. Vụ thứ hai có 71 người bị giết. Phải hiểu rằng còn biết bao nhiêu vụ cướp của và hãm hiếp, rồi sau đó giết sạch để phi tang mà thế giới sẽ không bao giờ biết đến...

Cũng trong tháng 8 đã xảy ra nhiều vụ lộn xộn trong các trại cấm ở Hồng Kông. Ở đảo Tai A Chau, đã xảy ra xô xát giữa người tị nạn và cảnh sát canh giữ họ. Lực lượng cảnh sát đã phải rút ra khỏi đảo và ngày hôm sau đã có một cuộc hành quân sử dụng trực thăng và tàu đổ bộ để tái lập trật tự ở hòn đảo chứa 5500 thuyền nhân chờ đợi được thanh lọc để xác định tính cách tị nạn của họ. Cũng tại đảo này, đã phát hiện nhiều trường hợp dịch tả đầu tháng 9. Cũng may là dịch đã được chặn đứng kịp thời.

Vẫn trong tháng 8 có hai tàu đến Nhật, chở 204 và 124 người và được cho tị nạn. Năm nay số người đến Nhật xin tị nạn tăng nhiều, tổng số từ đầu năm là hơn 2000, so với 219 trong cả năm 1988.

Tại Hồng Kông hiện có 55.000 thuyền nhân, trong số đó có 13.000 đến trước 16-6-89 và được kể là tị nạn chờ đợi một nước thứ ba đón nhận, còn 42.000 người còn lại phải qua thủ tục thanh lọc. Nguồn tin từ Cao Ủy Tị Nạn cho hay chỉ có khoảng 10% được công nhận tị nạn chính trị, phần còn lại bị xem như di dân bất hợp pháp. Có tin đã có sự thỏa thuận giữa hai chính quyền Hồng Kông và Hà Nội để cưỡng ép hồi hương, bất chấp thỏa ước Genève, nhưng cho đến nay chưa dám áp dụng.

Cộng đồng người Việt tị nạn cần tổ cáo mạnh mẽ trước dư luận thế giới cách đối xử tàn tệ của các nước liên quan đến người tị nạn Việt Nam.

46 người trốn lên tàu ngoại quốc bị bắt

Theo báo cáo của công an Sài Gòn thì từ 26-7 đến 10-8-1989 đã có 8 vụ trốn lên tàu nước ngoài để vượt biên bị phát giác và 46 người bị bắt. Trong 8 vụ này có hai vụ tương là đã thành công.

Vụ thứ nhất xảy ra trên tàu Southern Island (không thấy báo cáo nói tàu này thuộc nước nào) ngày 26-7-1989. Tàu đã chạy tới vùng biển Cam Bốt thì phát giác có 13 người Việt Nam trốn trên tàu. Viên thuyền trưởng đã từ chối thỉnh cầu đi tỵ nạn tại nước ngoài của họ và ghé vào cảng Công Pông Thom trao họ cho công an Cam Bốt. Sau đó những người này bị giải về Việt Nam.

Vụ thứ hai xảy ra ngày 03-8-1989 trên tàu Meridiana, quốc tịch Panama. Tàu đã chạy được 221 hải lý (350 km) khi phát giác ra 4 người Việt Nam. Viên thuyền trưởng quyết định quay trở lại Vũng Tàu trao họ cho công an.

Tất cả 46 người xấu số này bị nhà nước cộng sản coi là những đối tượng cần bị trừng trị nghiêm khắc. Thật là không may cho họ, vì nếu gặp thuyền trưởng nhân đạo hơn họ đã có thể ra nước ngoài, có thể có đờ la, rồi sẽ được mời trở lại Việt Nam du lịch và được coi là việt kiều yêu nước, là "những đứa con thân thương của tổ quốc" v.v...

Hội chợ CHOLEX

Một hội chợ triển lãm quốc tế mi-ni sẽ được tổ chức vào tháng 11-1989 tại khu Đại Thế Giới Chợ Lớn trước đây. Hội chợ này sẽ mang tên là CHOLEX-90 và do quận V Sài Gòn tổ chức. Tới nay đã có 80 công ty xí nghiệp ghi tên tham dự. Trong số này có 30 công ty xí nghiệp từ Đài Loan và Hương Cảng, 14 công ty Pháp.

Quận V hiện nay là một đơn vị kinh tế rất tích cực nhờ sự góp vốn của người Trung Hoa giúp đỡ và hợp tác với thân nhân tại

Việt Nam. Nhà nước cộng sản sau khi đã thi hành chính sách dân tộc hẹp hòi trục xuất người Việt gốc Hoa cách đây 10 năm đã phải nhượng bộ để người Hoa và người Việt gốc Hoa kinh doanh trở lại vì cần ngoại tệ. Tuy vậy chính quyền cộng sản vẫn rất nghi kỵ người Hoa và theo dõi họ rất sát. Giới thạo tin cho hay số công an, tình báo tại riêng quận V bằng tổng số công an mật vụ tại tất cả các quận khác tại thành phố. Người Hoa biết như vậy nhưng họ cũng không sợ vì họ tin rằng chính quyền cộng sản còn cần họ và chưa dám động tới họ. Mặc dầu không có quan hệ ngoại giao với Việt Nam, hiện nay Đài Loan là nước làm ăn nhiều nhất với chính quyền cộng sản Việt Nam. Kế đến là Nam Triều Tiên, một nước mà ngôn ngữ chính thức của chế độ cộng sản Việt Nam coi là phản động, tay sai đế quốc v.v...

Nhà Nước bị dụ như con nít

Ngày 13-6-1989 tòa án nhân dân Sài Gòn đem xử một vụ lưỡng gạt khó tưởng tượng nổi. Vụ này nói lên một cách hùng hồn sự dốt nát dễ sợ của các quan chức cộng sản Việt Nam. Lê Quang Hưng khoe với chức sắc Hà Nội là y có 45 tỷ đô la Mỹ gửi ở các ngân hàng ngoại quốc và muốn thành lập một cơ quan đại diện các công ty tư bản nước ngoài. Nguyên con số 45 tỷ đô la (tức năm lần tổng sản lượng quốc gia hàng năm của Việt Nam, hay bảy lần ngân sách quốc phòng của Trung Hoa lục địa !) cũng đủ chứng tỏ Hưng chỉ là một tên ba xạo chẳng có bài bản gì cả. Dầu vậy Hưng đã lừa được Ủy Ban Nhân Dân Hà Nội và một số tướng tá. Hưng hứa nhăng hứa cuội (giúp Hà Nội 900.000 tấn gạo, cho vay 100 triệu đô la v.v...) trong suốt một năm trời, lập ra "Tổng Công Ty Đầu Tư Xây Dựng Và Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp" (!! gọi tắt là VINAHUCO, rồi sau đó còn lưỡng gạt cả quan

Thư Độc Giả

Có lẽ kỳ này *Thông Luận* ra hơi chậm nên chúng tôi nóng lòng đợi "tin hiệu, thông điệp" từ bên Pháp hai ba tuần nay...

(...) Chúng tôi vui mừng nhận thấy ngoài lượng thông tin phong phú, khách quan, kịp thời... (dù là nguyệt san) nhưng các bài lại mang tính chất dự báo đúng đắn... mà quan điểm, lập trường của quý vị dần dần chúng tôi tán thành, chấp nhận hơn.

Chẳng hạn bài "Đề khởi lẩn lộn" là một minh định rất có giá trị về lý thuyết và có thể vận dụng trên thực tế đấu tranh nếu ta khai triển rộng thêm.

Bài nhận định về Ba Lan cũng rất sâu sắc vì đã nêu ra được đường hướng đúng để lãnh đạo một cuộc đấu tranh trực diện, toàn diện và quyết liệt với chính quyền cộng sản.

Thụy Khuê viết về Lỗ Tấn là một 'cú đấm cách không' đầy nghệ thuật đấy!

Các bài khác đều có một giá trị tự thân, nghĩa là đã nói lên được các vấn đề, vấn nạn của chúng ta.

(...) Các anh chị đang kiên cường dẫn bước trên lộ trình đã hoạch định. Tôi, chúng tôi xin theo vì con đường ấy là con đường của dân tộc, của nhân loại phải đi...

Lê Nhật Thăng và nhóm Trúc Xanh Savannah, Georgia, Hoa Kỳ

(...) Vấn đề hòa giải vẫn còn có vẻ cần minh định. Bài ở số chót (19) rất có ích. Tôi có vài ý kiến, sẽ cố gắng viết gửi tới các anh chị. (...)

Nghiêm Văn Thạch, Lognes, Pháp

(...) Gửi tới quý vị lời chúc thành công trong sự nghiệp các vị đang tranh đấu để mưu cầu hạnh phúc cho dân tộc.

(...) Ở nước Anh, có một nhóm cực đoan lên án chủ trương hòa giải hòa hợp dân tộc và lăng mạ vu khống những người theo xu hướng đó là tay sai của Việt Cộng.

(...) Nếu như tờ *Thông Luận* có thể mở rộng thêm phần văn học thì rất tốt. Đại đa số quần chúng thích đọc văn nghệ nhiều hơn là chính trị, và nếu tờ báo chủ đơn thuần chính trị sẽ rất khó phổ cập đến đại đa số quần chúng bình dân, vậy có nên kết hợp cả chính trị và văn học để những tư tưởng tự do dân chủ, những đề xuất về đường lối đấu tranh chính trị được phổ cập rộng rãi hơn nữa trong quảng đại quần chúng nhân dân? (...)

Nguyễn Anh Tuấn, London, Anh Quốc

Chúng tôi hoan nghênh ý kiến về việc mở rộng tờ báo, nhưng nhóm chủ trương cũng như ban biên tập không phải là những người làm báo chuyên nghiệp nên chưa thể thực hiện được ý kiến này. Chúng tôi ý thức rằng quyết định làm một tờ báo chính trị là một chọn lựa khó, nhưng đó là một chọn lựa cần thiết, và chúng tôi ước mong được những người Việt Nam còn tha thiết đến vận mệnh đất nước chia sẻ với chúng tôi sự chọn lựa gai góc đó.

chức tỉnh Đồng Nai và đặc khu Vũng Tàu. Thực ra Hưng cũng chỉ hù văn nghệ các quan chức nhà nước để mua vui thôi chứ không phải là lưu manh chuyên

ngiệp. Hưng và đồng bọn chỉ lưỡng gạt các cơ quan nhà nước có bốn lượng vàng và mười triệu đồng, vừa đủ để ngao du Sài Gòn - Hà Nội. Bốn năm tù.

Sổ Tay

Phan Nhật Nam

Hoàng Khởi Phong trong cuốn hồi ký "Ngày N+..." viết về thế hệ của ông: "Hãy nhìn kỹ những vết xe chúng tôi để lại, hãy nhìn kỹ những con đường chúng tôi đi, dấu vết xấu xí nham nhở chúng tôi để lại khắp miền Nam và giờ đây chúng tôi mang sang xứ người những ví dụ tuyệt hảo của lòng háo danh, ích kỷ, hời hợt, tự mãn, đố kỵ, giả trá...)" Đường như "chúng tôi" đang đi lại những vết xe cũ, do đó cộng đồng Việt nơi đây mỗi lúc mỗi giống như miền Nam thu nhỏ lại, hãy cứ mở những tờ báo phát hành ở khắp nơi, những con người giả hình cũ đang xuất hiện, với một lớp sơn mỏng hào nhoáng bên ngoài... Họ ủng hộ người này, đả kích người khác.... (Ngày N+..., trang 260 và 262).

*

Phan Nhật Nam trả lời phỏng vấn của phái đoàn Art Torres. Bài phỏng vấn khá dài, xin tóm tắt vài ý chính:

- Phan Nhật Nam xác định con số 159 tù nhân chính trị còn bị giam ở Việt Nam là đúng.

- Chính sách cởi mở ở Việt Nam hiện nay là tốt.

- Về việc người Việt về thăm nhà: trên thực tế, nếu bạn không nói chuyện với cộng sản thì nói chuyện với ai bây giờ? Trong tương lai, không có lực lượng chính trị nào thay thế được cộng sản, chỉ có cộng sản tự lột xác. Không nên cho là bất cứ người Việt nào về Việt Nam đều đã đạt được một sự hòa giải cụ thể nào đó với cộng sản. Kiểu lý luận đó thật là tàn ác và thiển cận. Tệ hại nhất là khi họ trở lại nước ngoài với cộng đồng của họ, họ lại bị chỉ trích nặng nề... Xin đừng làm thế bởi vì đối thoại là đối thoại giữa hai con người với nhau (theo Thế Kỷ 21, số 3, trang 90)

*

Những lời tuyên bố của Phan Nhật Nam đã làm cho nhiều người thất vọng và nghi ngờ. Thất vọng vì những lời tuyên bố ấy "có lợi cho cộng sản". Nghi ngờ ông đã "đầu hàng cộng sản", "làm tay sai cho cộng sản"...

Viết những dòng này, tôi không hề có ý "ủng hộ" hay "bào chữa" cho Phan Nhật Nam: về ý chí bất khuất, về lòng yêu quê hương, đất nước, về "thế nào là có lợi cho cộng sản", về sự ghê tởm chiến tranh, về đối thoại giữa người và người... những tác phẩm của Phan Nhật Nam, từ Dọc Đường Số 1, Dấu Binh Lửa, đến Mùa Hè Đỏ Lửa, Tù Binh Và Hòa Bình... đã là những phản ảnh chân thành. Phan Nhật Nam, sau 14 năm tù tội, không hề thay đổi, và cũng không cần ai nói hộ điều đó.

Cái làm cho chúng ta chua xót, trong lời tuyên bố của Phan Nhật Nam, là đoạn này:

" Vào lúc này, (tức là ngày 25-04-84, khi hầu hết tù cải tạo gửi ra Bắc vào năm 1976 được đưa trở lại trong Nam, ngoại trừ Phan Nhật Nam), nhiều người đến hỏi thăm tin tức về tôi. Nhưng sau ngày 29-05-88 khi tôi được đưa vào Nam,

số người đến hỏi thăm tin tức về tôi giảm xuống còn một nửa. Và đến lúc tôi được thả về (vào tháng 2-89), số người hỏi thăm tôi lại giảm đi một nửa nữa. Họ nghĩ là tôi đã đầu hàng, đã bị tẩy não để được trả tự do." (theo Thế Kỷ 21, số 3, trang 90).

*

Đến đây, chúng ta không thể nào không trở lại với nhận xét của Hoàng Khởi Phong về "thế hệ chúng ta" với những "ví dụ tuyệt hảo của lòng giả trá": chúng ta "phát giải thưởng cho Phan Nhật Nam khi ông bị cầm tù, tổ chức những cuộc biểu tình rầm rộ, để đòi hỏi tự do, nhân quyền, để hô hào thả những nhà văn như Phan Nhật Nam, Doãn Quốc Sỹ...."

Đến khi họ được thả, ta cho rằng họ đã đầu hàng, "chúng ta" không tin cả lời nói của họ.

Đường như chúng ta chỉ "tin" và "yêu" những người "tử vì đạo", tức là những người mãi mãi bị cầm tù, hoặc những người đã chết.

Thụy Khuê

Họp Thân Hữu Thông Luận

ngày thứ bảy 21-10-89, từ 14 giờ đến 18 giờ
tại Maison des Mines et des Ponts et Chaussées
270, rue Saint Jacques, Paris 5è
(Métro Luxembourg hoặc Port Royal)

Chương trình buổi họp:

1. Thảo luận về những ý kiến nêu ra trong Thông Luận
 2. Thảo luận về đề tài "Mối liên hệ Cam-Bốt Việt Nam" do ông Nguyễn Ứng Long dẫn nhập
- Kính mời quý độc giả và thân hữu tham dự đông đảo

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo cho một năm: Âu Châu 100 FF hoặc tương đương
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương
Báo chỉ phân phối theo đường bưu điện

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Quý vị ở ngoài nước Pháp xin dùng chi phiếu cá nhân (personal check) và ghi trực tiếp tiền bản xứ (\$Mỹ,...)

Thông Luận
hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cố động để phổ biến nó